Người ký: Sở Tư pháp
Email: stp@bentre.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bến Tre
Thời gian ký: 20.08.2019
17:16:09 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2019/NQ-HĐND	*Bến Tre, ngày 03 tháng 7 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 2692/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin thông qua Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 như sau:

1. Tổng số vốn điều chỉnh, bổ sung (bao gồm vốn dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương) là 9.652,112 tỷ đồng (chín nghìn sáu trăm năm mươi hai tỷ, một trăm mười hai triệu đồng), tăng 1.957,407 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ 2.190,249 tỷ đồng, tăng 47,507 tỷ đồng, bổ sung danh mục của 07 chương trình/dự án;

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 570,893 tỷ đồng, tăng 66,9 tỷ đồng;

c) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 5.181,655 tỷ đồng, tăng 1.843 tỷ đồng, bổ sung danh mục của 41 chương trình/dự án;

d) Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu xổ xổ số kiến thiết 1.335 tỷ đồng;

đ) Vốn đầu tư từ tạm ứng nguồn vốn tồn ngân của Kho bạc nhà nước 300 tỷ đồng;

e) Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất 74,315 tỷ đồng.

2. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND, nhưng có điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn của một số dự án phù hợp với tình hình thực tế đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn phân bổ cho các dự án đang triển khai thực hiện không nằm trong quy định tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

c) Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 trên cơ sở đảm bảo tuân thủ tổng các nguồn vốn đã được Trung ương phân bổ dự toán hàng năm cho địa phương.

(Chi tiết Danh mục điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM NGUỒN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2015/QĐ-TTg VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
-	**TỔNG CỘNG**						**8.939.790**	**3.927.750**		**2.721.050**	**2.142.742**	**503.993**	**74.315**	**469.465**	**351.000**	**84.150**	**34.315**	**486.100**	**386.100**	**100.000**
-											**214.141**	**51.743**								
A	**PHÂN BỔ CHI TIẾT**						**8.939.790**	**3.927.750**	**-**	**2.686.829**	**1.928.601**	**452.250**	**74.315**	**469.465**	**351.000**	**84.150**	**34.315**	**486.100**	**386.100**	**100.000**
I	**ĐỐI ỨNG CHO DỰ ÁN ODA THEO CƠ**						**1.542.661**	**191.536**	**-**	**101.763**	**75.063**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.500**	**2.500**	**-**

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
	CẦU VÀ CHI TRẢ NỢ LÃI VAY																			
I.1	**Đối ứng cho các dự án ODA theo cơ cấu**						**1.542.661**	**191.536**	**-**	**101.763**	**75.063**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.500**	**2.500**	**-**
1	Dự án tăng cường QL đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	B	Toàn tỉnh	hệ thống dữ liệu	2017-2022	1236/QĐ-BTNMT 30/5/2016	35.684	5.402		5.402	5.402									
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển	B	Ba tri	Tiểu hợp phần	2016-2020	1039/QĐ-UB 9/5/2016	310.451	38.834		29.674	29.674							2.500	2.500	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
	Ba tri, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu (thuộc Hợp phần III, Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long", vay vốn WB)																			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
3	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	B	TPBT	Tiểu dự án	2016-2020	01/NQ-HĐND ngày 24/3/2017	1.048.000	145.000		37.687	37.687									
4	Đối ứng vốn các dự án thuộc Chương trình MTQG Biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh - SPRCC	B	Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú	trồng rừng ngập mặn;	2016-2020	1970/QĐ-UBND ngày 05/10/2015; 2276/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 1971/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	148.526	2.300		29.000	2.300									

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
I.2	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**																			
III	**LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP**						**3.929.662**	**2.156.509**	**-**	**202.999**	**202.999**	**-**	**-**	**31.430**	**31.430**	**-**	**-**	**41.000**	**41.000**	**-**
a)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020***						***978.177***	***773.272***	***-***	***67.999***	***67.999***	***-***	***-***	***31.430***	***31.430***	***-***	***-***	***26.000***	***26.000***	***-***
a.1)	***Dự án hoàn thành năm 2016***						***45.176***	***45.176***	***-***	***11.830***	***11.830***	***-***	***-***	***10.000***	***10.000***	***-***	***-***	***1.830***	***1.830***	***-***

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
1	Dự án Nhà máy xử lý nước thải 2 và Hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Giao Long	C	Châu Thành	5000m3/ ngày	2012-2014	01/QĐ-SKH 06/01/11	45.176	45.176		11.830	11.830			10.000	10.000			1.830	1.830	
a.2)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016***						***933.001***	***728.096***	***-***	***56.169***	***56.169***	***-***	***-***	***21.430***	***21.430***	***-***	***-***	***24.170***	***24.170***	***-***
1	Dự án HTCS Khu Công nghiệp An Hiệp	A	Châu Thành	68 ha	2011-2015	1423/QĐ-UB 16/8/13	326.289	288.130		20.039	20.039			6.300	6.300			12.000	12.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
2	Dự án CSHT khu công nghiệp Giao Long (giai đoạn 2)	A	Châu Thành	7,344 ha	2008-2012	588/QĐ-UB 30/3/12	436.940	305.987		21.130	21.130			11.130	11.130			10.000	10.000	
3	Dự án CSHT Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Giao Long	A	Châu Thành	72 ha	2007-2011	915/QĐ-UB 12/06/07	169.772	133.979		15.000	15.000			4.000	4.000			2.170	2.170	
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***2.951.485***	***1.383.237***		***135.000***	***135.000***							***15.000***	***15.000***	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	A	Bình Đại	231 ha	2016-2020 và chuyển sang giai đoạn sau	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 3/8/2016	2.127.000	914.000		100.000	100.000									
2	Xây dựng CSHT Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Phú Thuận	B	Bình Đại	45ha	2019-2023	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	492.000	170.000												

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
3	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Phong Nẫm	B	Giồng Trôm	42 ha	2017-2021	433/HĐND-CTNĐND ngày 28/7/2016	332.485	299.237		35.000	35.000							15.000	15.000	
III	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT**						**717.621**	**156.932**		**223.152**	**70.789**			**17.791**	**17.791**			**16.500**	**16.500**	
a)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020***						***717.621***	***156.932***		***223.152***	***70.789***			***17.791***	***17.791***			***16.500***	***16.500***	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
1	Trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bến Tre	C	Châu Thành	26.361 m2	2014-2016	1995/QĐ-UBND 30/10/2013	32.713	31.470		5.470	5.470			5.470	5.470					
2	Kè bờ sông Bến Tre phía xã Mỹ Thạnh An (giai đoạn 2)	B	TPBT	4,470 km	2007-2010	2149/QĐ-UB 01/10/2010	85.011	75.700		25.000	25.000			11.139	11.139			10.000	10.000	
3	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình Khí sinh học (dự án Qseap)	C	các huyện thành phố	2,1 km2	2009-2015	414/QĐ-BNN 28/02/2013	71.348	1.182		1.182	1.182			1.182	1.182					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
4	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú	B	Thạnh Phú	9,926 km đường; 04 cầu	2013-2017	1994/QĐ-UB 30/10/13	59.866	10.343		6500	6500							6500	6500	
5	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri	B	Ba Tri	600cv	2016-2020	2314/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	253.282	17.637		170.000	17.637									
6	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre	B	Mỏ Cày Nam, Thạnh phú	35.800 ha	2017 - 2020	132/HĐND-TH ngày 20/3/2017	215.401	20.600		15.000	15.000									

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
IV	**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG**						**48.454**	**44.085**	**-**	**50.003**	**50.003**	**-**	**-**	**5.503**	**5.503**	**-**	**-**	**10.500**	**10.500**	**-**
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***11.225***	***10.553***		***9.703***	***9.703***			***5.503***	***5.503***			***3.000***	***3.000***	
1	Nâng cấp hệ thống mạng, trang thiết bị máy vi tính tại văn phòng Tỉnh uỷ, các ban đảng tỉnh, các huyện uỷ và thành uỷ	C	TPBT	nâng cấp hệ thống dữ liệu CNTT	2015-2017	1706/QĐ-UB 27/8/2015	3.500	3.500		2.803	2.803			2.803	2.803					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
2	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bến Tre	C	TPBT	nâng cấp hệ thống dữ liệu CNTT	2016-2018	1718/QĐ-UB 01/9/2015	7.725	7.053		6.900	6.900			2.700	2.700			3.000	3.000	
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***37.229***	***33.532***		***40.300***	***40.300***							***7.500***	***7.500***	
1	Khu ứng dụng công nghệ sinh học Cái Mơn, huyện Chợ Lách (giai đoạn 2)	C	Chợ Lách	Mở rộng 0,5ha	2018-2020	2619/QĐ-UB 31/10/2017				13.000	13.000									

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	C	TPBT	hệ thống trang thiết bị CNTT	2016-2018	2590/QĐ-UB 31/10/2016	25.000	22.000		22.000	22.000							5.000	5.000	
3	Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	C	TPBT	Nhà làm việc 02 tầng	2019-2021	150/QĐ-SXD 05/10/2018	6.232	6.232												

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
4	Đầu tư hạ tầng, xây dựng các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Thường trực UBND tỉnh	C	TPBT	hệ thống trang thiết bị CNTT	2016-2018	2569/QĐ-UB 28/10/2016	5.997	5.300		5.300	5.300							2.500	2.500	
V	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**						**1.074.026**	**529.737**		**438.866**	**394.866**			**106.600**	**106.600**			**77.000**	**77.000**	
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***828.241***	***397.616***		***288.866***	***266.866***			***106.600***	***106.600***			***77.000***	***77.000***	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
1	Trường THPT Mỹ Thạnh An (Lạc Long Quân)	B	TPBT	22 phòng	2011-2015	2046/QĐ-UB 19/10/2012	67.218	50.822		4.470	4.470			4.470	4.470					
2	Trường Cao Đẳng Bến Tre	B	TPBT	4200 SV	2011-2015	934/QĐ-UB 25/4/11	184.907	50.301		18.661	18.661			1.661	1.661			17.000	17.000	
3	Trường Quân sự - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	B	Giồng Trôm	62.430 m2	2015-2019	2148/QĐ-UB 24/10/2014	202.536	40.000		20.000	20.000			15.500	15.500					
4	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát, huyện Bình Đại	C	Bình Đại	630 HS	2015-2019	171/QĐ-UB 24/01/2014	46.068	20.535		32.000	24.000			11.488	11.488					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
5	Trường THPT Chợ Lách A (THPT Trần Văn Kiết), huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	1.410 m2	2015-2017	1769/QĐ-UB 03/9/2014	23.165	22.000		21337	21337			11337	11337			10000	10000	
6	Trường THPT Thạnh Phước, huyện Bình Đại	C	Bình Đại	750 HS	2015-2019	2181/QĐ-UB 30/10/2014	60.869	54.782		50.000	50.000			15.000	15.000			10.000	10.000	
7	Trường THPT Phan Liêm (THPT An Hoà Tây) - Ba Tri	C	Ba Tri	1.260 HS	2014-2018	197/QĐ-UB 27/01/14	57.427	26.214		16.000	16.000			11.549	11.549			10.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
8	Trường THPT An Qui (Lương Thế Vinh) - Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	800 HS	2012-2016	2723/QĐ-UB 10/12/10	51.682	31.924		13.500	13.500			7.532	7.532			10.000	10.000	
9	Trường THCS An Ngãi Trung, huyện Ba Tri	B	Ba Tri	633 học sinh	2016-2020	2208/QĐ-UB 29/10/2015	44.274	31.000		39.000	31.000			11.000	11.000					
10	Trường THPT Phan Văn Trị, huyện Giồng Trôm (mở rộng)	C	Giồng Trôm	11332 m2	2016-2018	2416/QĐ-UB 18/10/11	35.000	28.321		28.000	28.000			10.274	10.274			10.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
11	Trường THPT Nguyễn Huệ (THPT Phú Túc), huyện Châu Thành	C	Châu Thành	7.196 m2	2016-2018	2363/QĐ-UB 12/10/11	40.764	36.000		33.000	33.000			1.072	1.072			10.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
12	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến Tre	C	TPBT	Nâng cấp, sửa chữa	2016-2018	324/QĐ-SXD 30/10/15	14.331	5.717		12.898	6.898			5.717	5.717						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***245.785***	***132.121***		***150.000***	***128.000***									
1	Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)		Tp Bến Tre	1446m2	2017-2019	2258/QĐ-UB 29/9/2016				32.000	10.000									
2	Trường THCS Thành phố Bến Tre	B	Thành phố Bến Tre	1738 học sinh	2017-2021	2560/QĐ-UB 27/10/2016	113.095	10.000		20.000	20.000									

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
3	Trường THCS Tân Hội	C	MCN	600hs	2019-2021	544/QĐ-UB 26/3/2019	36.000	32.400		15.000	15.000									
4	Trường THCS Tân Mỹ	C	Ba Tri	300hs	2019-2021	2228/QĐ-UBND 17/10/2018	24.000	21.600		15.000	15.000									
5	Trường THCS An Quy	C	Thạnh Phú	10 phòng học lý thuyết, các phòng chức năng và HMP	2018-2020	2067/QĐ-UBND 05/9/2017	21.000	18.900		18.000	18.000									

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Ba Tri	B	Ba Tri	31 phòng	2017-2020	2317/QĐ-UBND 29/9/2017	51.690	49.221		50.000	50.000									
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Thạnh Phú	B	Thạnh Phú	39 phòng	2017-2020	2316/QĐ-UBND 29/9/2017	59.573	53.616												

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
VI	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐẢNG ĐOÀN THỂ**						**1.204.346**	**630.229**		**393.201**	**384.601**			**71.517**	**71.517**			**77.100**	**77.100**	
a)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020***						***502.229***	***224.789***	***-***	***143.901***	***143.901***	***-***	***-***	***71.517***	***71.517***	***-***	***-***	***64.100***	***64.100***	***-***
1	Nhà làm việc của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể	B	Thành phố Bến Tre	Khối nhà 10 tầng	2012-2015	2528/QĐ-UB 28/10/2011	108.026	80.066		47.591	47.591			23.591	23.591			24.000	24.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
2	Trung tâm hành chính xã Phú Sơn	C	Chợ Lách	498m2	2014-2016	211/QĐ-SXD 29/11/10	13.230	13.230		4.534	4.534			4.534	4.534					
3	Trung tâm hành chính xã Hưng Khánh Trung B	C	Chợ Lách	498m3	2014-2016	51/QĐ-SKH 27/9/12	16.926	16.926		5290	5290			5290	5290					
4	Trụ sở UBND xã Long Hoà	C	Bình đại	11.816 m2	2016-2018	261/QĐ-SXD 30/10/2014	8.133	8.133		4.800	4.800			1.600	1.600			3.200	3.200	
5	Trụ sở UBND xã Tam Hiệp	C	Bình đại	57,600 m2	2014-2016	203/QĐ-SXD 26/9/2013	8.652	6.600		1.600	1.600			1.600	1.600					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
6	Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã An Đức	C	Ba Tri	3.006 m2	2014-2016	2267/QĐ-SXD 30/10/2014	4.551	2.416		2.800	2.800			1.600	1.600			1.200	1.200	
7	Trung tâm chính trị hành chính huyện Giồng Trôm	B	Giồng Trôm	68.668 m2	2011-2015	1989/QĐ-UB 30/10/2013	195.083	30.660		30.000	30.000			10.000	10.000			20.000	20.000	
8	Trụ sở làm việc Đội nghiệp vụ Hải quan	C	Châu Thành	1.500 m2	2014 - 2016	149/QĐ-SXD 8/9/2015	2.000	1.840		2.000	2.000			1.840	1.840					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
9	Khu hành chính huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	C	Thạnh Phú	1.194 m2	2016-2018	2162/QĐ-UB 30/10/2012	26.329	10.400		10.400	10.400			5.200	5.200			5.200	5.200	
10	Hội trường 500 chỗ của huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	500 chỗ	2016-2018	187/QĐ-SXD 31/10/2014	13.173	8.800		8.800	8.800			4.676	4.676			3.000	3.000	
11	Trung tâm chính trị hành chính xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm	C	Giồng Trôm	670 m2 và các HMP	2016-2018	216/QĐ-SXD 29/10/2015	10.973	6.699		9.500	9.500			3.800	3.800			3.000	3.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
12	Sửa chữa Trụ sở cũ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2016-2020	185/QĐ-SXD 26/9/2016	1.425	1.425		1.500	1.500							1.500	1.500	
13	Sửa chữa Trụ sở Uỷ ban nhân dân tỉnh	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2014-2015	2495/QĐ-UBND 31/12/13	14.994	14.547		1.547	1.547			1.547	1.547					
14	Sửa chữa hội trường lớn Uỷ ban nhân dân tỉnh	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2016	22/QĐ-SXD 14/5/15	1.462	1.447		1.447	1.447			1.447	1.447					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
15	Sửa chữa trụ sở làm việc Huyện uỷ - Uỷ ban nhân dân huyện Châu Thành	C	Châu Thành	Sửa chữa, nâng cấp	2015-2016	4677/QĐ-UBND 30/6/14	4.215	3.308		1.800	1.800			1.800	1.800					
16	Đội quản lý thị trường số 6 tại huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Chợ Lách	C	Mỏ Cày Bắc, Chợ Lách	01 khối nhà, cấp IV	2014-2016	101/QĐ-SXD 26/6/2014	6.019	5.938		2.438	2.438			2.438	2.438					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
17	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	C	TPBT	Khối nhà 01 trệt 01 lầu, cấp IV	2013-2015	224/QĐ-SXD 24/10/2013	12.116	7.300		7.300	7.300							3.000	3.000	
18	Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh	C	7468436	3.300 m2	2015-2017	2140/QĐ-UB 24/10/2014	52.279	2.500												
19	Sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bến Tre	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2015-2016	241/QĐ-SXD 31/10/2014	2.643	2.554		554	554			554	554					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
b)	***Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020***						***702.117***	***405.440***	***-***	***249.300***	***240.700***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***13.000***	***13.000***	***-***
1	Trụ sở UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	C	Bình Đại	525 m2	2017-2020	282/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.260	5.200		6.500	5.200							2.000	2.000	
2	Trụ sở UBND xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	650 m2	2017-2020	287/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.951	5.600		7.100	5.600							2.000	2.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
3	Trụ sở UBND xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	707 m2	2017-2020	277/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	6.985	6.600		6.200	4.900							2.000	2.000	
4	Trụ sở UBND xã Quới Sơn, huyện Châu Thành	C	Châu Thành	02 tầng	2017-2020	107/QĐ-SXD 01/6/2016	8.988	6.400		8.000	6.400							2.000	2.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Nhà làm việc các sở, ngành tỉnh Bến Tre (6 sở)	B	TPBT	15 tầng	2016-2020	2208/QĐ-UB 20/9/2016	279.000	251.000		142.000	142.000							3.000	3.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
6	Trụ sở UBND xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri	C	Ba Tri	456 m2	2017-2020	279A/QĐ-SXD 31/10/2016	7.687	6.500		6.900	5.500							2.000	2.000	
7	Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hòa	C	Ba Tri	575 m2	2017-2021	199/QĐ-SXD 30/10/2017	8.000	5.700		7.200	5.700									
8	Chỉnh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	C	TPBT	31.924m2	2019-2021	2101/QĐ-UBND 04/10/2018	31.592	28.000												

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
9	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (giai đoạn 2)	C	TPBT	sữa chữa, nâng cấp	2018-2020	2346/QĐ-SXD 31/10/2018	24.384	21.900		4.900	4.900									
10	Hội trường lớn huyện ủy Thạnh phú	C	Thạnh phú	350 chỗ	2020-2022	2229/QĐ-UBND 17/10/2018	6.300	5.040												
11	Sửa chữa trung tâm hành chính huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	cải tạo, sữa chữa	2019-2021	181/QĐ-SXD 31/10/2018	3.000	3.000												

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
11	Trung tâm chính trị hành chính huyện Mỏ Cày Nam	B	MCN	1922m^2	2018-2020	2367/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	299.000	50.000		50.000	50.000									
11	Văn phòng chi cục quản lý thị trường tỉnh và Đội cơ động (giai đoạn 1)	C	TPBT	GPMB	2018-2020	224/QĐ-SXD 31/10/2017	11.970	10.500		10.500	10.500									
VII	**AN NINH QUỐC PHÒNG**						**423.020**	**218.723**	**-**	**146.700**	**106.700**	**-**	**40.000**	**4.500**	**4.500**	**-**	**-**	**27.000**	**27.000**	**-**

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***94.170***	***81.379***		***4.500***	***4.500***			***4.500***	***4.500***					
1	Nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre	C	TPBT	2,718 ha	2011-2013	87/QĐ-UB 12/01/09	36.226	29.179		2.300	2.300			2.300	2.300					
2	Doanh trại Ban CHQS huyện Mỏ Cày Bắc/Bộ CHQS tỉnh Bến Tre	C	TPBT	Sửa chữa, nâng cấp	2013-2014	81/QĐ-UB 02/6/14	57.944	52.200		2.200	2.200			2.200	2.200					

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***328.850***	***137.344***		***142.200***	***102.200***		***40.000***					***27.000***	***27.000***	
1	Trưng bày nội thất - Nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	TTB	2016-2018	225/QĐ-SXD 7/10/2016	13.804	12.424		12.400	12.400							5.000	5.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
2	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Hải đội II biên phòng	C	Ba Tri	726,96 m2	2017-2019	2618/QĐ-UB 31/10/2016	33.270	30.000		29.000	29.000							4.500	4.500	
3	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự và nhà ở Dân quân xã, phường, thị trấn	C	các huyện, thành phố	21 trụ sở	2017-2019	2619/QĐ-UB 31/10/2016	21.000	18.900		22.000	22.000							4.000	4.000	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
4	Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long	C	Châu Thành	Khối nhà chính 3 tầng 690m2	2017-2019	2582/QĐ-UB 31/10/2015	20.000	17.000		17.000	17.000							4.000	4.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Hội trường Công an huyện Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	425m2	2017-2019	141/QĐ-SXD 08/7/2016	2.580	1.500		1.500	1.500							1.500	1.500	
6	Trạm cảnh sát giao thông đường thuỷ huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	Đối ứng với BCA	2016-2020	Quyết định của BCA	15.000	8.824		5.000	5.000									

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
7	Xây dựng Sở chỉ huy và cơ quan trực thuộc Bộ CHQS tỉnh	C	TPBT	Đối ứng với BQP	2016-2020	Quyết định của BQP	142.000	8.000		8.000	8.000							8.000	8.000	
8	Tiểu dự án GPMB - Đầu tư xây dựng Sở Chỉ huy Biên phòng tỉnh	C	TPBT	Đối ứng với BQP	2016-2020	1954/QĐ-UBND 24/8/2017	63.000	22.500		40.000			40.000							
9	Trạm kiểm soát biên phòng Bình Thắng	C	Bình đại	410m2	2018-2020	228/QĐ-SXD 31/10/2017	8.200	8.200		7.300	7.300									

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
10	Trạm biên phòng bến Đầm/Đồn Biên phòng Cồ Chiên	C	Thạnh phú	404m2	2018-2020	1727/QĐ-SXD 31/10/2018	9.996	9.996												
VIII	**Phân cấp huyện - thành phố**									**900.413**	**578.580**	**321.833**		**172.000**	**105.500**	**66.500**		**188.000**	**116.000**	**72.000**
IX	**Chi phí thẩm định quyết toán**									**5.000**	**5.000**			**1.300**	**1.300**			**1.000**	**1.000**	
X	**Đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp**									**10.000**	**10.000**			**2.000**	**2.000**			**2.000**	**2.000**	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch 2016				Kế hoạch 2017		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*	
								Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất		Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
XI	**Đầu tư phát triển quỹ đất và đo đạc bản đồ địa chính**									**130.417**		**130.417**		**5.100**		**5.100**		**28.000**		**28.000**
C	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**									**84.315**	**50.000**		**34.315**	**51.724**	**4.859**	**12.550**	**34.315**	**15.500**	**15.500**	

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM NGUỒN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2015/QĐ-TTg VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT) GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tt)

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)							Trong đó:				Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020		Trong đó:		
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
-	**TỔNG CỘNG**	**2.835.457**	**2.761.142**	**2.190.249**	**1.976.108**	**214.141**	**570.893**	**519.150**	**51.743**	**1.536.460**	**419.150**	**439.648**	**100.000**	**74.315**	**74.315**	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
A	**PHÂN BỔ CHI TIẾT**	**2.835.457**	**2.761.142**	**2.190.249**	**1.976.108**	**214.141**	**570.893**	**519.150**	**51.743**	**1.536.460**	**419.150**	**439.648**	**100.000**	**74.315**	**74.315**	
I	**ĐỐI ỨNG CHO DỰ ÁN ODA THEO CƠ CẤU VÀ CHI TRẢ NỢ LÃI VAY**	**150.322**	**150.322**	**150.322**	**85.322**	**65.000**	**-**	**-**	**-**	**41.455**	**-**	**43.867**	**-**	**-**	**-**	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
I.1	**Đối ứng cho các dự án ODA theo cơ cấu**	**149.522**	**149.522**	**149.522**	**84.522**	**65.000**	**-**	**-**	**-**	**40.655**	**-**	**43.867**	**-**	**-**	**-**	
1	Dự án tăng cường QL đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	5.402	5.402	5.402	5.402					1.513	-	3.889				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển Ba tri, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu (thuộc Hợp phần III, Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững	29.674	29.674	29.674	29.674					4.000	-	25.674				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
3	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	112.146	112.146	112.146	47.146	65.000				34.406	-	12.740				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
4	Đối ứng vốn các dự án thuộc Chương trình MTQG Biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh - SPRCC	2.300	2.300	2.300	2.300					736	-	1.564				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
I.2	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**800**	**800**	**800**	**800**					**800**	**-**	**-**				
III	**LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP**	**323.305**	**323.305**	**271.562**	**144.921**	**126.641**	**51.743**	**-**	**51.743**	**90.969**	**-**	**53.952**	**-**	**-**	**-**	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
a)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020***	***67.969***	***67.969***	***67.969***	***67.969***			**-**		***67.969***	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
a.1)	***Dự án hoàn thành năm 2016***	***10.922***	***10.922***	***10.922***	***10.922***			**-**		***10.922***	**-**	-		**-**	**-**	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
1	Dự án Nhà máy xử lý nước thải 2 và Hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Giao Long	10.922	10.922	10.922	10.922					10.922	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
a.2)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016***	***57.047***	***57.047***	***57.047***	***57.047***	***-***	***-***	***-***	***-***	***57.047***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	
1	Dự án HTCS Khu Công nghiệp An Hiệp	17.542	17.542	17.542	17.542					17.542	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
2	Dự án CSHT khu công nghiệp Giao Long (giai đoạn 2)	33.272	33.272	33.272	33.272					33.272	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
3	Dự án CSHT Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Giao Long	6.233	6.233	6.233	6.233					6.233	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***255.336***	***255.336***	***203.593***	***76.952***	***126.641***	***51.743***		***51.743***	***23.000***		***53.952***				
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	128.384	128.384	76.641		76.641	51.743		51.743			-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
2	Xây dựng CSHT Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Phú Thuận	96.952	96.952	96.952	46.952	50.000						46.952				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
3	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Phong Nẫm	30.000	30.000	30.000	30.000					23.000		7.000				
III	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT**	**76.389**	**76.389**	**76.389**	**76.389**					**64.413**		**11.976**				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
a)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020***	***76.389***	***76.389***	***76.389***	***76.389***					***64.413***		***11.976***				
1	Trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bến Tre	5.470	5.470	5.470	5.470					5.470	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
2	Kè bờ sông Bến Tre phía xã Mỹ Thạnh An (giai đoạn 2)	25.000	25.000	25.000	25.000					23.561	-	1.439				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
3	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình Khí sinh học (dự án Qseap)	1.182	1.182	1.182	1.182					1.182	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
4	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú	6.500	6.500	6.500	6.500					6.500	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020					
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
5	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri	17.637	17.637	17.637	17.637					12.500	-	5.137				
6	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre	20.600	20.600	20.600	20.600					15.200	-	5.400				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
IV	**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG**	**40.356**	**40.356**	**40.356**	**40.356**	**-**	**-**	**-**	**-**	**38.233**	**-**	**2.123**	**-**	**-**	**-**	
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***9.856***	***9.856***	***9.856***	***9.856***					***9.856***						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
1	Nâng cấp hệ thống mạng, trang thiết bị máy vi tính tại văn phòng Tỉnh uỷ, các ban đảng tỉnh, các huyện uỷ và thành uỷ	2.803	2.803	2.803	2.803					2.803	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
2	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bến Tre	7.053	7.053	7.053	7.053					7.053	-	-				
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***30.500***	***30.500***	***30.500***	***30.500***					***28.377***		***2.123***				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
1	Khu ứng dụng công nghệ sinh học Cái Mơn, huyện Chợ Lách (giai đoạn 2)	500	500	500	500					500	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	18.500	18.500	18.500	18.500					18.500	-	-				
3	Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	6.200	6.200	6.200	6.200					4.077	-	2.123				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
4	Đầu tư hạ tầng, xây dựng các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Thường trực UBND tỉnh	5.300	5.300	5.300	5.300					5.300	-	-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
V	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**	**336.841**	**336.841**	**336.841**	**336.841**					**275.530**		**61.311**				
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***236.841***	***236.841***	***236.841***	***236.841***					***231.532***		***5.309***				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
1	Trường THPT Mỹ Thạnh An (Lạc Long Quân)	4.470	4.470	4.470	4.470					4.470		-				
2	Trường Cao Đẳng Bến Tre	12.971	12.971	12.971	12.971					12.971						
3	Trường Quân sự - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	15.500	15.500	15.500	15.500					15.500		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
4	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát, huyện Bình Đại	11.535	11.535	11.535	11.535					11.535		-				
5	Trường THPT Chợ Lách A (THPT Trần Văn Kiết), huyện Chợ Lách	19.857	19.857	19.857	19.857					19.857		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
6	Trường THPT Thạnh Phước, huyện Bình Đại	50.000	50.000	50.000	50.000					48.785		1.215				
7	Trường THPT Phan Liêm (THPT An Hoà Tây) - Ba Tri	15.972	15.972	15.972	15.972					15.972						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
8	Trường THPT An Qui (Lương Thế Vinh) - Thạnh Phú	11.819	11.819	11.819	11.819					11.819						
9	Trường THCS An Ngãi Trung, huyện Ba Tri	31.000	31.000	31.000	31.000					29.498		1.502				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
10	Trường THPT Phan Văn Trị, huyện Giồng Trôm (mở rộng)	25.000	25.000	25.000	25.000					25.000		-				
11	Trường THPT Nguyễn Huệ (THPT Phú Túc), huyện Châu Thành	33.000	33.000	33.000	33.000					30.408		2.592				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
12	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến Tre	5.717	5.717	5.717	5.717					5.717		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***100.000***	***100.000***	***100.000***	***100.000***					***43.998***		***56.002***				
1	Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)											-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
2	Trường THCS Thành phố Bến Tre	10.000	10.000	10.000	10.000							10.000				
3	Trường THCS Tân Hội	7.000	7.000	7.000	7.000							7.000				
4	Trường THCS Tân Mỹ	15.000	15.000	15.000	15.000					8.000		7.000				
5	Trường THCS An Quy	18.000	18.000	18.000	18.000					18.000		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Ba Tri	25.000	25.000	25.000	25.000					9.000		16.000				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Thạnh Phú	25.000	25.000	25.000	25.000					8.998		16.002				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020					
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
VI	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐẢNG ĐOÀN THỂ**	**492.523**	**492.523**	**492.523**	**492.523**					**376.798**		**115.725**				
a)	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020***	***142.157***	***142.157***	***142.157***	***142.157***	***-***	***-***	***-***	***-***	***142.157***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
1	Nhà làm việc của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể	47.591	47.591	47.591	47.591					47.591		-				
2	Trung tâm hành chính xã Phú Sơn	4.534	4.534	4.534	4.534					4.534		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
3	Trung tâm hành chính xã Hưng Khánh Trung B	5.290	5.290	5.290	5.290					5290		-				
4	Trụ sở UBND xã Long Hoà	4.800	4.800	4.800	4.800					4.800		-				
5	Trụ sở UBND xã Tam Hiệp	1.600	1.600	1.600	1.600					1.600		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
6	Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã An Đức	1.616	1.616	1.616	1.616					1.616		-				
7	Trung tâm chính trị hành chính huyện Giồng Trôm	30.000	30.000	30.000	30.000					30.000		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
8	Trụ sở làm việc Đội nghiệp vụ Hải quan	1.840	1.840	1.840	1.840					1.840		-				
9	Khu hành chính huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	10.400	10.400	10.400	10.400					10.400		-				
10	Hội trường 500 chỗ của huyện Chợ Lách	8.776	8.776	8.776	8.776					8.776						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
11	Trung tâm chính trị hành chính xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm	6.699	6.699	6.699	6.699					6.699		-				
12	Sửa chữa Trụ sở cũ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	1.425	1.425	1.425	1.425					1.425		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
13	Sửa chữa Trụ sở Uỷ ban nhân dân tỉnh	1.547	1.547	1.547	1.547					1.547		-				
14	Sửa chữa hội trường lớn Uỷ ban nhân dân tỉnh	1.447	1.447	1.447	1.447					1.447		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
15	Sửa chữa trụ sở làm việc Huyện uỷ - Uỷ ban nhân dân huyện Châu Thành	1.800	1.800	1.800	1.800					1.800		-				
16	Đội quản lý thị trường số 6 tại huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Chợ Lách	2.438	2.438	2.438	2.438					2.438		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
17	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.300	7.300	7.300	7.300					7.300		-				
18	Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh	2.500	2.500	2.500	2.500					2.500		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
											Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
19	Sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bến Tre	554	554	554	554					554		-				
b)	***Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020***	***350.366***	***350.366***	***350.366***	***350.366***	***-***	***-***	***-***	***-***	***234.641***	***-***	***115.725***	***-***	***-***	***-***	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
1	Trụ sở UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	5.200	5.200	5.200	5.200					5.200		-				
2	Trụ sở UBND xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú	5.600	5.600	5.600	5.600					5.600		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
3	Trụ sở UBND xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách	6.600	6.600	6.600	6.600					6.600		-				
4	Trụ sở UBND xã Quới Sơn, huyện Châu Thành	6.400	6.400	6.400	6.400					6.400		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
5	Dự án đầu tư xây dựng Nhà làm việc các sở, ngành tỉnh Bến Tre (6 sở)	251.000	251.000	251.000	251.000					169.015		81.985				
6	Trụ sở UBND xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri	6.426	6.426	6.426	6.426					6.426						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
7	Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hòa	5.700	5.700	5.700	5.700					5.700		-				
8	Chỉnh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	23.000	23.000	23.000	23.000					12.000		11.000				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
9	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (giai đoạn 2)	21.900	21.900	21.900	21.900					7.200		14.700				
10	Hội trường lớn huyện ủy Thạnh phú	5.040	5.040	5.040	5.040							5.040				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
11	Sửa chữa trung tâm hành chính huyện Chợ Lách	3.000	3.000	3.000	3.000							3.000				
11	Trung tâm chính trị hành chính huyện Mỏ Cày Nam		-	-	-							-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
11	Văn phòng chi cục quản lý thị trường tỉnh và Đội cơ động (giai đoạn 1)	10.500	10.500	10.500	10.500					10.500		-				
VII	**AN NINH QUỐC PHÒNG**	**172.978**	**132.978**	**132.978**	**110.478**	**22.500**	**-**	**-**	**-**	**98.978**	**-**	**11.500**	**-**	**40.000**	**40.000**	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***4.500***	***4.500***	***4.500***	***4.500***					***4.500***						
1	Nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre	2.300	2.300	2.300	2.300					2.300		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
2	Doanh trại Ban CHQS huyện Mỏ Cày Bắc/Bộ CHQS tỉnh Bến Tre	2.200	2.200	2.200	2.200					2.200		-				
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***168.478***	***128.478***	***128.478***	***105.978***	***22.500***				***94.478***		***11.500***		***40.000***	***40.000***	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
1	Trưng bày nội thất - Nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre	12.400	12.400	12.400	12.400					12.400		-				
2	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Hải đội II biên phòng	29.978	29.978	29.978	29.978					29.978		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
3	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự và nhà ở Dân quân xã, phường, thị trấn	18.900	18.900	18.900	18.900					18.300		600				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
4	Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long	13.000	13.000	13.000	13.000					13.000		-				
5	Dự án đầu tư xây dựng Hội trường Công an huyện Thạnh Phú	1.500	1.500	1.500	1.500					1.500		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
6	Trạm cảnh sát giao thông đường thuỷ huyện Chợ Lách	5.000	5.000	5.000	5.000							5.000				
7	Xây dựng Sở chỉ huy và cơ quan trực thuộc Bộ CHQS tỉnh	8.000	8.000	8.000	8.000					8.000		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
8	Tiểu dự án GPMB - Đầu tư xây dựng Sở Chỉ huy Biên phòng tỉnh	62.500	22.500	22.500		22.500						-		40.000	40.000	
9	Trạm kiểm soát biên phòng Bình Thắng	7.300	7.300	7.300	7.300					7.300		-				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020					
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
10	Trạm biên phòng bến Đầm/Đồn Biên phòng Cổ Chiên	9.900	9.900	9.900	9.900					4.000		5.900				
VIII	**Phân cấp huyện - thành phố**	**1.023.692**	**1.023.692**	**605.192**	**605.192**		**418.500**	**418.500**		**473.298**	**318.500**	**131.894**	**100.000**			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020					
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
IX	**Chi phí thẩm định quyết toán**	**8.800**	**8.800**	**8.800**	**8.800**					**6.800**		**2.000**				
X	**Đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp**	**5.500**	**5.500**	**5.500**	**5.500**					**5.200**		**300**				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)														Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (bao gồm dự kiến kế hoạch năm 2020)											Điều chỉnh kế hoạch Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		
			Tổng số vốn trung hạn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và sử dụng đất sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg			Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất [2]			Trong đó:				Trong đó:		
										Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn ngân sách Địa phương đến hết kế hoạch năm 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020				
				Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức được giao	*Dự phòng 10% vốn đầu tư trong cân đối*	Vốn kế hoạch 2016-2020 sau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất được giao	*Dự phòng 10% vốn Sử dụng đất*	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Vốn đầu tư từ nguồn thu Sử dụng đất	Vốn đầu tư từ nguồn Tăng thu sử dụng đất được giao	Lũy kế bố trí đến hết kế hoạch năm 2019	
1	*2*	*22=24+27+36*	*23=24+27*	*24=25+26*	*25*	*26*	*27=28+29*	*28*	*29*	*31*	*32*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*
XI	**Đầu tư phát triển quỹ đất và đo đạc bản đồ địa chính**	**88.100**	**88.100**				**88.100**	**88.100**			**88.100**					
C	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**	**116.651**	**82.336**	**69.786**	**69.786**		**12.550**	**12.550**		**64.786**	**12.550**	**5.000**		**34.315**	**34.315**	

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[1]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	**TỔNG CỘNG**						**14.890.953**	**5.385.415**	**4.973.655**	**3.338.655**	**1.049.000**	**1.335.000**	**75.000**	**300.000**
-	-									**332.655**				
	THỰC HIỆN DỰ ÁN						**14.890.953**	**5.385.415**	**4.849.454**	**3.006.000**	**1.049.000**	**1.335.000**	**75.000**	**300.000**
I	**Hỗ trợ Chương trình Xây dựng Nông thôn mới**								**524.000**	**524.000**	**142.500**		**40.000**	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
II	**Trả nợ Chương trình KCH kênh mương, phát triển giao thông nông thôn, CSHT nuôi trồng thủy sản và CSHT làng nghề ở nông thôn**								**556.250**	**96.250**	**96.250**	**460.000**		
III	**Trả nợ tạm ứng vốn tồn ngân kho bạc nhà nước trong giai đoạn 2017-2020**								**200.000**	**200.000**				
IV	**Bố trí vốn kế hoạch để thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh**								**14.938**	**14.938**	**14.938**			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	CSHT Cụm công nghiệp thị trấn An Đức, huyện Ba Tri (hạng mục Đường vào Cụm công nghiệp)	C	Ba Tri	Đường chính và các HMP	2015-2016	115/QĐ-UB 22/01/2015								
2	Khu chính trị hành chính xã Tân Hội	C	MCN	600m2	2012-2014	145/QĐ-SXD 15/10/2010			5.200	5.200	5.200			
3	Trường Tiểu học Tân Thành Bình 2	C	MCB	612 học sinh	2016-2016	160/QĐ-SXD 25/9/2015			2.500	2.500	2.500			
4	Nhà làm việc của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể	B	Thành phố Bến Tre	Khối nhà 10 tầng	2012-2016	2528/QĐ-UB 28/10/2011			7.238	7.238	7.238			
5	Đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định	B	huyện Châu Thành	6 km	2011-2015	704/QĐ-UB 25/3/10; 1857/QĐ-UB 27/9/2012								

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
V	**Thanh toán nợ đọng XDCB theo chỉ thị 07/CT-TTg và tất toán, quyết tóan, thanh toán nợ khối lượng các công trình hoàn thành**								**42.229**	**7.229**		**35.000**		
VI	**Bố trí vốn kế hoạch để thanh toán khối lượng công trình hoàn thành các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước**													
VII	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**													

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
VIII	**Bổ sung chi phí thẩm định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**												**1.000**	
IX	**Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ đề án GTNT theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới**													
X	**Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ triển khai công tác lập quy hoạch của Tỉnh (theo Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017)**													

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
XI	**Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ Quỹ Hợp tác xã**													
XII	**CÔNG NGHIỆP**						**3.296.400**	**1.815.200**	**1.000.000**			**700.000**		**300.000**
a)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***3.296.400***	***1.815.200***	***1.000.000***			***700.000***		***300.000***
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	A	Bình Đại	231 ha	2016-2020 và sau 2020	Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 3/8/2016	2.127.000	1.000.000	1.000.000			700.000		300.000

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ mời gọi đầu tư cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành	C	Châu Thành	20ha	2016-2020	1598/QĐ-UB 17/7/2017	70.400	48.400						
3	Xây dựng CSHT Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Phú Thuận	B	Bình Đại	45ha	2019-2023	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	492.000	220.500						
3	Đầu tư CSHT phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	B	Châu Thành	17ha	2019-2023	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	607.000	546.300						
XIII	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT**						**1.596.310**	**153.636**	**11.146**	**11.146**	**11.086**		**7.655**	
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***748.654***	***17.196***	***1.146***	***1.146***	***1.086***	**-**	**-**	**-**

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình Khí sinh học (dự án Qseap)	C	các huyện thành phố	2,1 km2	2009-2015	414/QĐ-BNN 28/02/2013	71.348	700	700	700	700			
2	Tuyến đê biển Thạnh phú (giai đoạn 1)	B	Thạnh phú	52,4km	2011-2020	2866/QĐ-UBND 23/12/2010	159.000	7.450						
3	**Dự án AMD** (Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu Đồng bằng Sông Cửu Long)	B	30 xã	2014-2020	2014-2020	2169/QĐ-UBND 22/11/2013	517.860	8.600						
4	Đầu tư nâng cấp mở rộng Cảng cá Bình Đại (phần giải phóng mặt bằng)	C	Bình Đại	Tiểu GPMB	2016-2017	1761/QĐ-UB 29/9/2016	446	446	446	446	386			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***847.656***	***136.440***	***10.000***	***10.000***	***10.000***		***7.655***	
1	Đê bao ngăn mặn ven sông Hàm Luông (đoạn từ ranh Ba Tri - Giồng Trôm đến cống Cái Mít)	B	Giồng Trôm	13,2 km	2015 - 2017	237/QĐ-UB 05/02/15	53.299	17.607	10.000	10.000	10.000			
2	Các dự án khuyến khích DN đầu tư vào NNNT	C	Các huyện	02 DN	2016-2020	Đối ứng hỗ trợ theo NĐ210/CP	3.486	3.486						
3	Gia cố chống sạt lỡ khẩn cấp tuyến đê bao ấp Hoà Thuận, xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	1,2km	2016-2018	213/QĐ-SNN 17/5/2016	8.379	7.655					7.655	

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
4	Hạ tầng thiết yếu hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị dừa, huyện Mỏ Cày Nam	B	Mỏ Cày Nam	02 cầu HL93	2016 - 2018	2193/QĐ-UB 19/9/16	130.000	4.000						
5	Dự án tái định cư khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre	C	TPBT	hạ tầng cơ sở	2019-2021	1283/QĐ-UB 16/6/2018	41.700	21.700						
6	Dự án cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù lao Minh trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng	B	huyện Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Thạnh phú	Dài tuyến ống 76,31km và 03 trạm tăng áp	2018-sau 2020	2232/QĐ-UB 26/10/2018	275.000	36.200						
7	Dự án Hạ tầng thiết yếu ổn định đời sống dân cư Phường 8, xã Phú Hưng thành phố Bến Tre	B	Thành phố BT	2.065 m kè; 1.890 m đường	2016 - 2020	921/QĐ-UB 19/4/17	294.000	4.000						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
8	Cơ sở Hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống cháy rừng đặc dụng xã Thạnh Phong và xã Thạnh Hải huyện Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	1.741m	2017-2018	1741/QĐ-UB 31/7/2017	14.792	14.792						
9	Xử lý nước thải khu vực cảng cá Ba Tri	C	Ba Tri		2020-2022	1325/QĐ-UB 21/6/2019	17.000	17.000						
10	Mở rộng cầu tàu Cảng cá Bình Đại	C	Bình Đại		2020-2022	1294/QĐ-UB 17/6/2019	10.000	10.000						
XIV	**LĨNH VỰC CÔNG CỘNG**						**1.086.217**	**172.677**	**34.436**	**14.436**	**11.509**	**20.000**		
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***63.217***	***49.283***	***9.436***	***9.436***	***6.509***	**-**	**-**	**-**

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Tân Mỹ	B	Ba Tri	165 m3/giờ	2010-2014	95/QĐ-UB 10/09/09	47.399	47.000	2.448	2.448				
2	Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre	C	Châu Thành	GPMB	2015-2017	2694/QĐ-UB 30/12/2014	9.494	1.537	1.988	1.988	1.509			
3	Mở rộng bãi rác Phú Hưng, Thành phố Bến Tre	C	TPBT	Mở rộng 6.609 m2; cải tạo 2.000m2	2016-2018	823/QĐ-UB 25/3/2016	6.324	746	5.000	5.000	5.000			
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***1.023.000***	***123.394***	***25.000***	***5.000***	***5.000***	***20.000***	***-***	***-***
1	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	B	TPBT	Tiểu dự án	2016-2020	01/NQ-HĐND ngày 24/3/2017	1.023.000	123.394	25.000	5.000	5.000	20.000		

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
XV	**GIAO THÔNG VẬN TẢI**						**4.631.482**	**1.552.157**	**330.156**	**330.156**	**85.103**	**-**	**21.345**	**-**
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***3.427.514***	***695.366***	***68.456***	***68.456***	***34.603***	***-***	***21.345***	***-***
1	Đường Nam kỳ khởi nghĩa (đoạn từ đường 3/2 đến đường Lê Quí Đôn)	C	Thành phố Bến Tre	40m	2014-2015	455/QĐ-UB 09/3/2009	2.736	1.921						
2	Đường 30/4 (đoạn từ đường 3/2 đến đường Cách mạng tháng 8)	C	Thành phố Bến Tre	40m	2015	453/QĐ-UB 09/3/2009	6.667	6.559						
4	Xây dựng mặt đường tuyến tránh An Bình Tây - An Đức, huyện Ba Tri	C	Ba Tri	02 km	2013-2017	2535/QĐ-UB 31/10/11	35.000	30.000	15.000	15.000	7.500			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
5	Cầu Phong Nẫm trên ĐH 173, liên huyện Châu Thành - Giồng Trôm	C	CT-GT	358,9 mét	2012-2107	1160/QĐ-UB 21/6/2012 và số 1943/QĐ-UBND ngày 11/10/2012	295.839	194.928	23.655	23.655	10.000		21.345	
6	Tuyến tránh thị trấn Giồng Trôm - ĐT.885	B	Giồng Trôm	9,370 km	2009	1758/QĐ-UB 13/9/2012	368.925	103.375	6.482	6.482				
7	ĐT.886 (đường vào trung tâm xã Thừa Đức)	B	Bình Đại	8.033m	2010-2014	965/QĐ-UB 26/4/11	167.817	50.772						
8	Xây dựng 10 cầu trên ĐT,883, huyện Bình Đại	B	Bình Đại	10 cầu	2011-2013	2214/QĐ-UBND 11/10/2010; 670/QĐ-UBND 28/3/2011	724.636	89.908						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
9	Nâng cấp thượng tầng cầu An Hóa trên ĐT.883	C	Châu Thành-Bình Đại	247 mét	2015-2017	2404/QĐ-SGT 04/9/12	13.427	6.800						
10	Đường quanh Sân vận động tỉnh (giai đoạn 1)	B	Thành phố Bến Tre	0,532 km	2015-2017	480/QĐ-UB 19/03/14	42.440	42.000	216	216				
11	Đường huyện ĐH.07 (Bình Thới - Định Trung), huyện Bình Đại	B	Bình Đại	4,523 km	2015-2019	66/QĐ-SKHĐT 24/10/2014	46.687	33.000	7.000	7.000	7.000			
12	Cải tạo và nâng cấp Huyện lộ 14 (đoạn từ công viên thị trấn Ba Tri đến Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu, cổng chào An Đức)	B	Ba Tri	2,216 km	2015-2019	1660/QĐ-UB 18/08/14	59.985	33.000	13.000	13.000	7.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
13	Cải tạo, nâng cấp ĐT.884 đoạn từ cầu Tre Bông đến QL.57 và cầu Thành Triệu (WB5)	B	Châu Thành	Cải tạo, nâng cấp tuyến	2009-2014	2333/QĐ-UBND 16/11/2013	277.068	500	500	500	500			
14	GPMB dự án cầu Cổ Chiên - QL60	C	MCN	Tiểu dự án GPMB	2016-2018	3053/QĐ-BGTVT 22/10/2010	72.762	2.603	2.603	2.603	2.603			
15	Đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định	B	huyện Châu Thành	6 km	2011-2015	704/QĐ-UB 25/3/10; 1857/QĐ-UB 27/9/2012	662.242	65.000						
16	ĐT.883 (đường vào cầu Rạch Miễu đến cầu An Hóa)	B	Châu Thành	10,916 Km	2010-2014	781/QĐ-UB 01/04/10	651.283	35.000						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***1.203.968***	***856.791***	***261.700***	***261.700***	***50.500***	**-**	**-**	**-**
1	Đường Nguyễn Huệ nối dài (đoạn từ ngã tư Tú Điền đến cầu Phú Dân)	C	Thành phố Bến tre	652,1m	2016-2018	2317/QĐ-UB 30/10/2015	66.553	42.250	39.000	39.000	15.000			
2	Cầu Hương Điểm trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60km/h	2016-2020	2303/QĐ-UB 30/10/2015	73.293	35.200	36.000	36.000	5.000			
3	Cầu Lương Ngang trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60km/h	2016-2020	728/QĐ-UB 30/3/2016	24.100	22.022	14.000	14.000	7.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
4	Cầu Ba Lạt trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60km/h	2016-2020	730/QĐ-UB 30/3/2016	35.993	25.387	18.000	18.000	7.000			
5	Cầu Đó trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60km/h	2016-2020	729/QĐ-UB 30/3/2016	44.117	33.039	27.000	27.000	7.000			
6	Cầu Nguyễn Tấn Ngãi trên đường tỉnh 887	C	Giồng Trôm	cầu chính HL93; đường vào cầu V=60km/h	2016-2020	731/QĐ-UB 30/3/2016	34.351	24.631	17.000	17.000	7.000			
7	Cầu Ông Kèo, xã Vĩnh Thành - Vĩnh Hòa	C	Chợ Lách	cầu 5 nhịp; đường vào cầu	2017-2019	2840/QĐ-SGTVT 31/10/2016	4.852	4.852	3.700	3.700	2.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
8	Đường Chợ Chùa – Hữu Định (đoạn 1: từ Ao Sen chợ Chùa đến Đại lộ Đồng Khởi)	C	Thành phố Bến tre	77m	2017-2020	165/QĐ-SXD 28/9/2017	10.500	2.689	9.400	9.400	500			
9	Đường vào Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Ba Tri	C	Ba Tri	2km	2020	2343/QĐ-UBND 30/10/2018	53.087	47.778	10.000	10.000				
10	Đường vào trung tâm xã Tường Đa	C	Châu Thành	3,5km	2018-2020	2637/QĐ-SGTVT 31/10/2017	11.355	10.800	10.000	10.000				
11	Đầu tư hạ tầng phục vụ mô hình thí điểm hợp tác xã Bưởi da xanh thị trấn Châu Thành (hạng mục đường D3,D4)	C	Châu Thành	hạng mục đường D3,D4	2018-2020	224a/QĐ-UBND 31/10/2017	6.000	5.400	5.400	5.400				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
12	Cầu Khánh Hội, (liên xã Tiên Long - Tiên Thủy)	C	Châu Thành	132m và đường dân sinh	2019-2020	2838/QĐ-SGTVT 31/10/2017	14.642	14.642	9.000	9.000				
13	Đường vành đai ven sông Ba Lai (đường Rạch Gừa)	C	Bình Đại	Đường GTNT cấp V	2019-2021	2620/QĐ-UBND 31/10/2017	21.000	19.000	10.000	10.000				
14	Đường cả Muồng và Cầu 19/5 xã Lộc Thuận	C	Bình Đại	Đường GTNT cấp V, cầu BTCT	2018-2020	854/QĐ-SGTVT 31/3/2016	8.000	8.000	7.200	7.200				
15	Nâng cấp, cải tạo Đường liên xã Phước Mỹ Trung - Thành An	C	MCB	1,5 km	2018-2020	2413/QĐ-SGTVT 23/10/2018	5.000	5.000	4.500	4.500				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
16	Cầu Hòa Lợi (trên đường huyện 26), xã Hòa Lợi	C	Thạnh Phú	13T	2018-2020	2610/QĐ-SGTVT 30/10/2017	5.700	5.700	5.000	5.000				
17	Đầu tư xây dựng các cầu yếu trên ĐH.22 Mỏ Cày Nam	C	MCN	13T	2018-2020	1267QĐ-UBND 18/6/2018	18.000	16.200	16.000	16.000				
18	Đường ĐH.11 (từ ĐT.887 đến ĐT.885)	C	Giồng Trôm	đường cấp V đồng bằng, 6,2km	2020	3130/QĐ-UBND 26/12/2017	60.000	54.000	10.000	10.000				
19	Cầu Cái Sơn xã Tân Thiềng huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	dài 56,6m; 0.65HL93	2019-2021	509/QĐ-SGTVT 30/3/2016	7.511	7.500						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
20	Nâng cấp sửa chữa ĐH36 và xây mới 02 cầu (Hậu Cứ và Đìa Cừ) huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	02 cầu 0,65HL93	2019-2021	2484/QĐ-SGTVT 30/10/2018	14.990	14.990						
21	ĐH.38 huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	2.881m	2019-2021	2483/QĐ-SGTVT 30/10/2018	14.998	14.998						
22	Nâng cấp, sửa chữa ĐH41 huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	18.097m	2019-2021	2341/QĐ-UBND 30/10/2018	29.987	27.000						
23	Đường huyện lộ 33	C	Chợ Lách	Đường GTNT cấp V	2016-2020	3019/QĐ-SGTVT 30/3/2016	8.543	8.543						
24	Đường vào trung tâm xã Tân Thiềng	C	Chợ Lách	02 km	2016-2020	802/QĐ-SGTVT 29/10/2015	11.355	11.355						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
25	Xây dựng cầu Phú Long trên ĐT.883	C	Châu Thành	62,54m	2019-2021	1238/QĐ-UBND 13/6/2018	17.996	16.200						
26	Xây dựng cầu Thừa Mỹ trên ĐT.886	C	Bình Đại	3 nhịp 33m	2019-2021	1234/QĐ-UBND 12/6/2018	31.944	31.500						
27	Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú	B	huyện Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú	39,33km	2018-sau 2020	2300/QĐ-UBND 24/10/2018	288.000	92.000						
28	Đường vào trung tâm xã Hưng Nhượng (đoạn từ ĐT.887 đến cầu Hiệp Hưng)	C	Giồng Trôm	6km	2018-2020	2621/QĐ-SGTVT 31/10/2017	11.740	11.740	10.500	10.500				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
29	Đường vào Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ơn (đoạn từ QL60 đến bến đò An Hóa)	C	Châu Thành	10.330m	2016-2020	751/QĐ-UBND 31/10/2016	49.200	44.280						
30	Đường giao thông kết hợp đê chống lũ, xăm nhập mặn các xã Tân Thành Bình - Thạnh Ngãi- Phú Mỹ	C	MCB	5.091m	2016-2020	2621/QĐ-UBND 31/10/2016	29.729	26.756						
31	Đường vào Khu dân cư Bình Thắng	C	Bình Đại	1000m	2020-2022	1086a/QĐ-UBND 22/5/2019	5.000	5.000						
32	Cầu Thạnh Trị trên ĐH.40 huyện Bình Đại	C	Bình Đại	38,3m HL93 và đường vào cầu	2020-2022	852/QĐ-SGTVT 31/3/2016	5.500	5.500						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
33	Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Phú Túc và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành	C	Châu Thành	4500m	2020-2022	640/QĐ-UBND 09/4/2019	43.791	39.412						
34	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thị Định, ĐH10 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến Bình thành)	C	Giồng Trôm	2.225,9m	2019-2021	2336/QĐ-UBND 29/10/2018	37.141	33.427						
35	Xây dựng hệ thống thoát nước vỉa hè cây xanh chiếu sáng trên tuyến QL60 (đoạn đường dẫn vào cầu Rạch Miễu)	B	Châu Thành	hạ tầng kỹ thuật	2020-2025	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	100.000	90.000						
XVI	**LĨNH VỰC Y TẾ - XÃ HỘI**						**2.293.454**	**549.735**	**550.800**	**550.800**	**255.600**	**-**	**5.000**	**-**

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
XVI.1	***LĨNH VỰC Y TẾ***						***2.142.639***	***423.449***	***475.800***	***475.800***	***236.600***	**-**	**-**	**-**
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***190.755***	***55.742***	***230.350***	***230.350***	***120.350***			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải rắn y tế các bệnh viện đa khoa huyện Thạnh Phú, Chợ Lách, Châu Thành, Bình Đại và Giồng Trôm	C	Các huyện	50m^2/huyện	2012-2014	1332/QĐ-UBND ngày 17/7/2012	11.183	11.183						
2	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	C	Thành phố Bến Tre	2.300 m2	2012-2016	2458/QĐ-UB 25/10/2011	46.819	17.032	13.350	13.350	13.350			
3	Dự án Khoa Nội A - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	C	TPBT	3.163m2	2013-2017	1237/QĐ-UB 31/5/2010	56.849	1.696	2.000	2.000	2.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
4	Bệnh viện Đa khoa Hàm Long	B	Châu Thành	90 giường bệnh	2015-2019	2168/QĐ-UB 29/10/2014	75.904	25.831	30.000	30.000	10.000			
5	***Tăng cường CSVC ngành Y tế***								***185.000***	***185.000***	***95.000***			
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***1.951.884***	***367.707***	***245.450***	***245.450***	***116.250***			
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre (ODA Hàn Quốc)	B	MCB	Tiểu dự án GPMB	2016-2020	1594/QĐ-UBND 18/8/2015	1.677.000	136.000	120.000	120.000	84.000			
2	Lò đốt rác y tế Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	C	TPBT	212 m2	2016-2018	46/QĐ-SXD 31/3/2016	14.904	14.904	13.400	13.400	5.000			
3	Cải tạo, chuyển đổi chức năng Khoa Chuẩn đoán hình ảnh thành Khoa Nhi	C	Thành phố Bến Tre	2.155 m2	2016-2018	73/QĐ-SKH 30/10/2014	25.367	23.500	17.000	17.000	7.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
	- Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu													
4	Dự án Tăng cường trang thiết bị y tế phục vụ chuẩn đoán hình ảnh và điều trị Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	B	Thành phố Bến Tre	19 máy	2016-2018	2308/QĐ-UB 30/10/2015	63.107	63.107	24.000	24.000	10.000			
5	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre	B	Thành phố Bến Tre	Cải tạo, nâng cấp và trang thiết bị	2017-2021	2604/QĐ-UBND 31/10/2016	65.000	58.000	40.000	40.000	10.000			
7	Dự án xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	C	Thành phố Bến Tre	Đầu tư mới, CTDD cấp III			26.506	196	250	250	250			
6	Khoa sản Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu								10.800	10.800				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
8	Trung tâm y tế huyện Mỏ Cày Bắc	B	MCB	19,439m2	2019-2023	1923/QĐ-UBND 17/9/2018	80.000	72.000	20.000	20.000				
XVI.II	***LĨNH VỰC XÃ HỘI***						***150.815***	***126.286***	***75.000***	***75.000***	***19.000***		***5.000***	
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***37.620***	***23.875***	***9.000***	***9.000***	***9.000***			
1	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Mỏ Cày Nam	C	MC Nam	Nâng cấp, mở rộng	2014-2015	1966/QĐ-SXD 29/10/2014	2.961	1.692						
2	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Châu Thành	C	Châu Thành	Nâng cấp, mở rộng	2014-2015	6342/QĐ-UBND 31/10/2014	4.690	2.000						
3	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Mỏ Cày Bắc	C	MCB	Nâng cấp, mở rộng	2013-1015	174/QĐ-SXD 31/10/2011	14.739	5.723						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
4	Mua sắm thiết bị Đền thờ Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh (tượng bán thân Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại đồng chung, giá treo)	C	Châu Thành	trang thiết bị	2016-2018	326/QĐ-UB 12/3/2013	2.190	1.960	1.000	1.000	1.000			
5	Dự án đầu tư Không gian ghi công Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bến Tre	C	Châu Thành	bia tưởng niệm	2016-2018	77/QĐ-SXD 30/6/2015	13.040	12.500	8.000	8.000	8.000			
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***113.195***	***102.411***	***66.000***	***66.000***	***10.000***		***5.000***	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	16,284m2	2017-2022	2321/QĐ-UBND 02/10/2017	85.195	76.600	40.000	40.000	10.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp các cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện tỉnh Bến Tre	C	Ba Tri	Nâng cấp, sửa chữa các cơ sở	2018-2020	1478/QĐ-UBND 30/6/2017	18.800	16.900	16.000	16.000			5.000	
3	Dự án khẩn cấp xây dựng một số hạng mục tại cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện tỉnh Bến Tre	C	Ba Tri	Nâng cấp, sửa chữa các cơ sở	2018-2021	225/QĐ-SXD 31/10/2017	9.200	8.911						
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Sơn Đông								10.000	10.000				
XVII	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**						**896.057**	**394.024**	**323.136**	**186.580**	**92.600**	**-**	**-**	**-**
a)	***Dự án hoàn thành năm 2016***						***127.355***	***95.000***	***30.000***	***30.000***	***19.500***			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Trung tâm văn hoá tỉnh Bến Tre	B	Thành phố Bến Tre	11.816 m2	2014-2019	1884/QĐ-UB 02/10/2013	96.535	86.000	25.500	25.500	15.000			
2	Trung tâm văn hoá thành phố Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	3.006 m2	2014-2016	359/QĐ-UB 12/6/2013	30.820	9.000	4.500	4.500	4.500			
b)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***428.271***	***167.868***	***81.680***	***81.680***	***47.800***			
1	Sân vận động tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	C	Thành phố Bến Tre	57,600 m2	2015-2017	1311/QĐ-UB 04/7/14	59.500	50.345	12.000	12.000	10.000			
2	Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch các xã ven sông Tiền, huyện Châu Thành (giai đoạn 1)	B	Châu Thành	8,203 km	2014 - 2016	1924/QĐ-UB 23/10/2013	56.023	3.337						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
3	Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch Cồn Bửng, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú (đường từ nghĩa trang liệt sĩ Hồ Có đến Cồn Bửng)	B	Thạnh Phú	7,791 km	2015-2017	2156/QĐ-UB 28/10/2014	54.668	19.000	9.000	9.000	9.000			
4	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên	C	Thành phố Bến Tre	GPMB và các HMP	2015-2016	104/QĐTWĐ TN 13/3/2013	105.000	37.231	2.241	2.241	1.050			
5	Đài truyền thanh huyện Mỏ Cày Bắc	C	MCB	khối nhà 02 tầng	2014-2015	164/QĐ-SXD 29/9/2014	8.966	2.514	2.700	2.700	2.700			
6	Dự án đầu tư xây dựng Tôn tạo, trùng tu và mở rộng khu tượng đài chiến thắng Lộ Thơ	C	Châu Thành	950 m2	2015-2016	156/QĐ-SXD 19/9/2014	4.416	2.000	2.000	2.000	2.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
7	Dự án đầu tư xây dựng Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm	C	Giồng Trôm	1.594 m2	2017-2019	223/QĐ-SXD 30/10/2015	8.400	8.172	4.200	4.200	3.050			
8	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển tại Bến Tre	B	Thạnh Phú	10,485 ha	2017-2019	2151/QĐ-UB 29/10/12	82.274	8.030	15.000	15.000	15.000			
9	Hậu cứ Đoàn cải lương	C	Thành phố Bến tre	962 m2	2017-2019	2310/QĐ-UB 30/10/2015	16.163	14.500	11.000	11.000	5.000			
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà cổ Huỳnh phủ và Khu mộ	C	Thạnh Phú	Trùng tu, tôn tạo	2013-2015	2608/QĐ-UB 28/12/2015	18.861	18.000	18.800	18.800				
11	Trùng tu tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Bình Hòa	C	Giồng Trôm	Trùng tu, tôn tạo	2013-2015	1757/QĐ-UBND ngày 13/9/2012	14.000	4.739	4.739	4.739				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
c)	***Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020***						***340.431***	***131.156***	***211.456***	***74.900***	***25.300***			
1	CSHT phục vụ du lịch các xã ven sông Tiền (giai đoạn 2) (Đoạn 1: từ xã An Khánh đến xã Phú Đức)	B	Châu Thành	14,826 km đường; 05 cầu	2016-2020	2848/QĐ-UB 31/12/2015; 390/QĐ-UB 26/02/2016	198.994	40.000	168.350	40.000	10.000			
2	Tượng đài chiến thắng Giá Thẻ	C	Thạnh Phú	Tượng đài	2016-2018	244/QĐ-SXD 26/10/2016	8.515	7.600	7.600	7.600	3.000			
3	Xây dựng mới trụ sở UBND xã và sửa chữa nhà văn hoá xã Thành Triệu, huyện Châu Thành	C	Châu Thành	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2018-2019	90/QĐ-SXD 9/5/2017	8.600	300	7.740	3.800	300			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
4	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	263/QĐ-SXD 31/10/2016	3.000	2.400	2.700	2.100	1.500			
5	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Long Thới, huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	264/QĐ-SXD 31/10/2016	3.000	2.400	2.700	2.100	1.500			
6	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Hội trường Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cày Bắc	C	Mỏ Cày Bắc	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	277/QĐ-SXD 31/10/2016	2.500	2.000	2.250	1.800	1.500			
7	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam	C	Mỏ Cày Nam	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	292/QĐ-SXD 31/10/2016	3.000	2.400	2.700	2.100	1.500			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
8	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Hội trường Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm	C	Giồng Trôm	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	294/QĐ-SXD 31/10/2016	2.500	1.898	2.250	1.800	1.500			
9	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	284/QĐ-SXD 31/10/2016	3.084	2.460	2.776	2.200	1.500			
10	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Mỹ Hoà, huyện Ba Tri	C	Ba Tri	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	254/QĐ-SXD 27/10/2016	3.100	2.400	2.790	2.200	1.500			
11	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	C	Bình Đại	nhà văn hóa và 5 phòng chức năng	2017-2019	281/QĐ-SXD 31/10/2016	1.956	1.500	1.800	1.400	1.500			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
12	Hồ bơi tỉnh Bến Tre	C	thành phố Bến Tre	Hồ bơi	2017-2019	121/QĐ-SXD 13/8/2018	10.800	2.800	2.800	2.800				
13	Cải tạo nâng cấp trung tâm văn hóa thể thao huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	Cải tạo nâng cấp	2019-2021	180/QĐ-SXD 31/10/2018	9.998	9.998						
14	Cải tạo, nâng cấp đền thờ đồng chí Huỳnh Tấn Phát thành Khu lưu niệm	C	Bình đại	4000 m2	2018-2020	2353/QĐ-UBND 30/10/2018	23.621	5.000	5.000	5.000				
15	Nâng cấp hoàn chỉnh khu Đền thờ Phan Văn Trị	C	Giồng Trôm	Nhà trưng bày và các HMP	2020	121/QĐ-UBND 17/01/2019	1.500	1.000						
16	Nâng cấp, chuyển chất liệu Tượng đài Đồng Khởi Bến Tre	C	TPBT	Nâng cấp	2019-2021	739/QĐ-UBND 19/4/2019	20.542	18.400						
17	Trùng tu, nâng cấp di tích Cây Da Đôi	C	Ba Tri	Trùng tu, nâng cấp	2019-2021	727/QĐ-UBND 18/4/2019	14.757	7.700						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
18	Xây dựng Khu lưu niệm Nguyễn Sinh Sắc tại Khu di tích Chùa Tuyên Linh	C	MCN	9.020 m2	2019-2021	725/QĐ-UBND 18/4/2019	14.640	14.600						
19	Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm (giai đoạn 2)	C	Giồng Trôm	1.594m2	2020-2022	1050/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	6.324	6.300						
XVIII	**LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG**						**75.000**	**50.500**	**27.000**	**27.000**	**500**	**-**	**-**	**-**
b)	***Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020***						***75.000***	***50.500***	***27.000***	***27.000***	***500***			
1	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	C	Thành phố Bến Tre	Khối hội trường	2017-2020	984/QĐ-UB 10/5/2018	30.000	27.000	27.000	27.000	500			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	C	TPBT	Hệ thống trang thiết bị CNTT	2016-2018	2590/QĐ-UB 31/10/2016	25.000	3.500						
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phát triển chính quyền điện tử tỉnh Bến Tre (giai đoạn 1)	C	các huyện,thành phố	Phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin	2020-2022	1321/QĐ-UB 21/6/2019	20.000	20.000						
XIV	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**						**961.463**	**686.485**	**1.235.363**	**1.043.465**	**338.914**	**120.000**	**-**	**-**
a)	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2011-2015***						***23.573***	***5.400***						
1	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	634m2	2014-2015	158/QĐ-SXD 25/10/2011	14.851	4.525						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2	Trường Tiểu học Ngãi Đăng	C	MC Nam	6 phòng học, phòng chức năng	2013-2015	194/QĐ-SXD 30/10/2012	8.722	875						
b)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***						***400.309***	***220.969***	***931.265***	***756.265***	***274.914***	***120.000***		
1	***Đề án KCH trường lớp, học và nhà công vụ Giáo viên***		***Các huyện***		***2013-2020***				***180.000***	***180.000***	***125.000***			
2	***Tăng cường CSVC ngành Giáo dục Đào tạo lồng ghép hỗ trợ chương trình nông thôn mới***		***Các huyện***		***2016-2020***				***635.298***	***515.298***	***100.000***	***120.000***		
3	Trường Tiểu học Phú Thọ - Thành phố Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	1.110 hs	2012 - 2016	2361/QĐ-UB 12/10/2011	63.717	44.000	14.000	14.000	8.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
4	Trường Mầm non Khu Công nghiệp Giao Long, huyện Châu Thành	C	Châu Thành	12 phòng	2015-2017	207/QĐ-SXD 31/10/2014	14.636	7.862	6.000	6.000	5.000			
5	Trường THPT Phan văn Trị (giai đoạn 2)	C	Giồng Trôm	11332 m2	2016-2018	2416/QĐ-UB 18/10/11	35.000	2.110						
6	Trường THCS Tiên Thuỷ	C	Châu Thành	1.100 hs	2011-2017	1351/QĐ-UB 11/7/2014	59.831	53.847	11.000	11.000	8.000			
7	Trường THCS Mỹ Nhơn	C	Ba Tri	480hs	2014-2016	57/QĐ-SKH 14/10/2014	29.667	25.500	5.500	5.500	5.500			
8	Trường THCS Mỹ An	C	Thạnh Phú	408hs	2014-2018	1824/QĐ-UB 11/10/2013	32.383	25.553	2.553	2.553	1.500			
9	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	C	Bình Đại	630 học sinh	2015-2019	171/QĐ-UB 24/01/2014	46.068	10.183	32.000	8.000	8.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
10	Trường THCS An Ngãi Trung	B	Ba Tri	633 học sinh	2014-2016	2208/QĐ-UB 29/10/2015	44.274	8.000	39.000	8.000	8.000			
11	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	7.241m2	2014 - 2016	62/QĐ-SKH 25/9/2012	29.882	18.000						
12	Trường Chính trị Bến Tre (giai đoạn 3)	C	Thành phố Bến Tre	3.900m2	2014-2018	1159/QĐ-UB 05/7/2013	44.851	25.914	5.914	5.914	5.914			
c)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***						***537.581***	***460.116***	***304.098***	***287.200***	***64.000***			
1	Trường Tiểu học Phú Ngãi	C	Ba Tri	6 phòng học, 4 phòng chức năng	2014-2016	40/QĐ-SXD 31/3/2016	6.401	4.742	4.200	4.200	3.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến Tre	C	Thành phố Bến Tre	Nâng cấp, sửa chữa	2015-2018	324/QĐ-SXD 30/10/15	14.331	6.160	12.898	6.000	6.000			
3	Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)	C	Thành phố Bến Tre	1.446 m2	2017-2019	2258/QĐ-UB 29/9/2016	35.696	32.000	32.000	22.000	10.000			
4	Trường THPT Long Thới - Chợ Lách	B	Chợ Lách	750 hs	2017-2021	2561/QĐ-UB 27/10/2016	59.000	53.100	40.000	40.000	15.000			
5	Nhà đa năng Trường THPT Lê Hoài Đôn - Thạnh Phú	C	Thạnh Phú	706 m2	2016-2020	276/QĐ-UB 05/2/2016	5.700	5.125	5.000	5.000	5.000			
6	Trường TH An Phước huyện Châu Thành	C	Châu Thành	344 m2	2017-2019	745/QĐ-UB 31/3/2016	22.574	12.989	20.000	20.000	5.000			

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
7	Trường THCS Thành phố Bến Tre	B	Thành phố Bến Tre	1.738 hs	2017-2021	2560/QĐ-UB 27/10/2016	113.095	91.000	50.000	50.000	20.000			
8	Trường Mẫu giáo Đa Phước Hội	C	MCN	250hs	2018-2020	288/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.974	13.000	13.000	13.000				
9	Trường TH Phú Túc	C	Châu Thành	2,084m2	2018-2020	2613/QĐ-UBND 31/10/2016	22.900	21.000	20.000	20.000				
10	Trường Mẫu giáo Hòa Lộc	C	MCB	220hs	2018-2020	1033/QĐ-UBND 17/5/2018	14.500	14.500	13.000	13.000				
11	Truường THPT Nhuận Phú Tân	C	MCB	750 hs	2020-2022	353/QĐ-UBND 27/02/2019	59.000	53.100	15.000	15.000				
12	Trường THCS Mỹ Thanh An								15.000	15.000				
13	Truường TH An Thuận	C	Thạnh Phú	360hs	2018-2020	2066/QĐ-UBND 05/9/2017	15.000	15.000	13.000	13.000				

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
14	Trường TH Hương Mỹ 2	C	MCN	530hs	2019-2021	2617/QĐ-UBND 31/10/2017	26.000	23.000	15.000	15.000				
15	Trường THCS Đỗ Hữu Phương	C	Bình Đại	445hs	2018-2020	2587/QĐ-UBND 30/10/2017	22.000	19.800	19.000	19.000				
16	Trường Mẫu giáo Minh Đức	C	MCN	9 phòng học 10 phòng CN	2018-2020	2587/QĐ-UBND 30/10/2018	21.000	18.800						
17	Trường MN Vĩnh Thành	C	Chợ Lách	460hs	2018-2020	2552/QĐ-UBND 26/10/2017	20.000	18.000	17.000	17.000				
18	Trường THCS Thạnh Hải	C	Thạnh Phú	14p lý thuyết, 16p chức năng TTB và HMP	2020-2022	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	33.410	30.000						
19	Trường TH Tân Phong	C	Thạnh Phú	18p lý thuyết, 13p chức năng TTB và HMP	2020-2022	Nghị quyết năm 2019 của HĐND tỉnh	32.000	28.800						

TT	Danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 (chưa phân bổ dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)					
						Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn xổ số kiến thiết	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)[(1)]	Tổng số vốn XSKT trong giai đoạn	*Trong đó:* Kế hoạch năm 2017	Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu	*Trong đó:* Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2017	Tổng tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
XIX	**AN NINH - QUỐC PHÒNG**						**19.978**	**4.000**						
1	Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long	C	Châu Thành	Khối nhà chính 3 tầng 690m2	2017-2019	2582/QĐ-UB 31/10/2015	19.978	4.000						
XX	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐOÀN THỂ**						**34.592**	**7.000**						
1	Sửa chữa trung tâm hành chính huyện Chợ Lách	C	Chợ Lách	cải tạo, sữa chữa	2019-2021	181/QĐ-SXD 31/10/2018	3.000	2.000						
2	Chỉnh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	C	TPBT	31.924m2	2019-2021	2101/QĐ-UBND 04/10/2018	31.592	5.000						
XXI	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**													

Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT) GIAI ĐOẠN 2016-2020 (tt)

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
-	**TỔNG CỘNG**	**6.816.655**	**5.181.655**	**332.655**	**4.849.000**	**3.509.000**	**1.340.000**	**1.335.000**	**618.550**	**272.400**	**300.000**	-
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	**6.816.655**	**5.181.655**	**332.655**	**4.849.000**	**3.509.000**	**1.340.000**	**1.335.000**	**618.550**	**272.400**	**300.000**	
I	**Hỗ trợ Chương trình Xây dựng Nông thôn mới**	**893.662**	**853.662**		**853.662**	**603.662**	**250.000**	**40.000**	**40.000**			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
II	**Trả nợ Chương trình KCH kênh mương, phát triển giao thông nông thôn, CSHT nuôi trồng thủy sản và CSHT làng nghề ở nông thôn**	**175.000**	**96.250**		**96.250**	**96.250**		**78.750**	**78.750**			
III	**Trả nợ tạm ứng vốn tồn ngân kho bạc nhà nước trong giai đoạn 2017-2020**	**300.000**						**300.000**				
IV	**Bố trí vốn kế hoạch để thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh**	**164.943**	**164.943**		**164.943**	**164.943**						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
1	CSHT Cụm công nghiệp thị trấn An Đức, huyện Ba Tri (hạng mục Đường vào Cụm công nghiệp)											
2	Khu chính trị hành chính xã Tân Hội	5.200	5.200		5.200	5.200						
3	Trường Tiểu học Tân Thành Bình 2	2.428	2.428		2.428	2.428						
4	Nhà làm việc của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể	7.103	7.103		7.103	7.103						
5	Đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định	150.212	150.212		150.212	150.212						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
V	**Thanh toán nợ đọng XDCB theo chỉ thị 07/CT-TTg và tất toán, quyết tóan, thanh toán nợ khối lượng các công trình hoàn thành**	**47.948**	**6.831**		**6.831**	**6.831**		**41.117**	**31.117**	**10.000**		
VI	**Bố trí vốn kế hoạch để thanh toán khối lượng công trình hoàn thành các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước**	**45.000**	**45.000**		**45.000**	**45.000**						
VII	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**12.085**						**12.085**	**12.085**			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
VIII	**Bổ sung chi phí thẩm định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**	**1.000**						**1.000**	**1.000**			
IX	**Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ đề án GTNT theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới**	**161.000**	**136.000**		**136.000**	**80.000**	**56.000**	**25.000**				
X	**Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ triển khai công tác lập quy hoạch của Tỉnh (theo Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017)**	**22.000**	**22.000**	**10.000**	**12.000**	**10.000**	**2.000**					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
XI	**Bố trí vốn kế hoạch để hỗ trợ Quỹ Hợp tác xã**	**5.000**	**5.000**		**5.000**	**5.000**						
XII	**CÔNG NGHIỆP**	**917.105**	**249.655**	**119.655**	**130.000**	**70.000**	**60.000**	**367.450**	**30.000**	**213.400**	**300.000**	
a)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***917.105***	***249.655***	***119.655***	***130.000***	***70.000***	***60.000***	***367.450***	***30.000***	***213.400***	***300.000***	
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	395.500	30.500	30.500				65.000			300.000	

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ mời gọi đầu tư cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành	48.400						48.400		48.400		
3	Xây dựng CSHT Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Phú Thuận	169.050	10.000		10.000		10.000	159.050		100.000		
3	Đầu tư CSHT phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	304.155	209.155	89.155	120.000	70.000	50.000	95.000	30.000	65.000		
XIII	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT**	**90.896**	**53.441**		**53.441**	**18.741**	**34.700**	**37.455**	**32.455**			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***16.841***	***8.241***	***-***	***8.241***	***8.241***	***-***	***8.600***	***8.600***			
1	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình Khí sinh học (dự án Qseap)	345	345		345	345						
2	Tuyến đê biển Thạnh phú (giai đoạn 1)	7.450	7.450		7.450	7.450						
3	**Dự án AMD** (Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu Đồng bằng Sông Cửu Long)	8.600						8.600	8.600			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
4	Đầu tư nâng cấp mở rộng Cảng cá Bình Đại (phần giải phóng mặt bằng)	446	446		446	446						
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***74.055***	***45.200***		***45.200***	***10.500***	***34.700***	***28.855***	***23.855***			
1	Đê bao ngăn mặn ven sông Hàm Luông (đoạn từ ranh Ba Tri - Giồng Trôm đến cống Cái Mít)	10.000	10.000		10.000	10.000						
2	Các dự án khuyến khích DN đầu tư vào NNNT											

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
3	Gia cố chống sạt lỡ khẩn cấp tuyến đê bao ấp Hoà Thuận, xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách	7.655						7.655	7.655			
4	Hạ tầng thiết yếu hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị dừa, huyện Mỏ Cày Nam											
5	Dự án tái định cư khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre	5.500	5.500		5.500	500	5.000					
6	Dự án cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù lao Minh trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng	36.200	20.000		20.000		20.000	16.200	16.200			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
7	Dự án Hạ tầng thiết yếu ổn định đời sống dân cư Phường 8, xã Phú Hưng thành phố Bến Tre											
8	Cơ sở Hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống cháy rừng đặc dụng xã Thạnh Phong và xã Thạnh Hải huyện Thạnh Phú	4.700	4.700		4.700		4.700					
9	Xử lý nước thải khu vực cảng cá Ba Tri	5.000						5.000				
10	Mở rộng cầu tàu Cảng cá Bình Đại	5.000	5.000		5.000		5.000					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
XIV	**LĨNH VỰC CÔNG CỘNG**	**115.277**	**75.883**	**60.000**	**15.883**	**7.283**	**8.600**	**39.394**	**19.394**	**20.000**		
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***2.283***	***2.283***	***-***	***2.283***	***2.283***		***-***				
1	Nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Tân Mỹ											
2	Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre	1.537	1.537		1.537	1.537						
3	Mở rộng bãi rác Phú Hưng, Thành phố Bến Tre	746	746		746	746						
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***112.994***	***73.600***	***60.000***	***13.600***	***5.000***	***8.600***	***39.394***	***19.394***	***20.000***		

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
1	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	112.994	73.600	60.000	13.600	5.000	8.600	39.394	19.394	20.000		
XV	**GIAO THÔNG VẬN TẢI**	**782.735**	**632.390**	**143.000**	**489.390**	**306.448**	**182.942**	**150.345**	**141.345**	**19.000**	**-**	
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***250.327***	***128.982***	***43.000***	***85.982***	***65.982***	***20.000***	***121.345***	***121.345***		**-**	
1	Đường Nam kỳ khởi nghĩa (đoạn từ đường 3/2 đến đường Lê Quí Đôn)											

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
2	Đường 30/4 (đoạn từ đường 3/2 đến đường Cách mạng tháng 8)											
4	Xây dựng mặt đường tuyến tránh An Bình Tây - An Đức, huyện Ba Tri	15.000	15.000		15.000	15.000						
5	Cầu Phong Nẫm trên ĐH 173, liên huyện Châu Thành - Giồng Trôm	41.908	20.563		20.563	20.563		21.345	21.345			
6	Tuyến tránh thị trấn Giồng Trôm - ĐT.885	6.482	6.482		6.482	6.482						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
7	ĐT.886 (đường vào trung tâm xã Thừa Đức)											
8	Xây dựng 10 cầu trên ĐT,883, huyện Bình Đại											
9	Nâng cấp thượng tầng cầu An Hóa trên ĐT.883											
10	Đường quanh Sân vận động tỉnh (giai đoạn 1)											
11	Đường huyện ĐH.07 (Bình Thới - Định Trung), huyện Bình Đại	7.861	7.861		7.861	7.861						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
12	Cải tạo và nâng cấp Huyện lộ 14 (đoạn từ công viên thị trấn Ba Tri đến Khu di tích Nguyễn Đình Chiểu, cổng chào An Đức)	13.000	13.000		13.000	13.000						
13	Cải tạo, nâng cấp ĐT.884 đoạn từ cầu Tre Bông đến QL.57 và cầu Thành Triệu (WB5)	473	473		473	473						
14	GPMB dự án cầu Cổ Chiên - QL60	2.603	2.603		2.603	2.603						
15	Đường từ cảng Giao Long đến đường Nguyễn Thị Định	65.000						65.000	65.000			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
16	ĐT.883 (đường vào cầu Rạch Miễu đến cầu An Hóa)	98.000	63.000	43.000	20.000		20.000	35.000	35.000			
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***532.408***	***503.408***	***100.000***	***403.408***	***240.466***	***162.942***	***29.000***	***20.000***	***19.000***	**-**	
1	Đường Nguyễn Huệ nối dài (đoạn từ ngã tư Tú Điền đến cầu Phú Dân)	22.250	22.250		22.250	22.250						
2	Cầu Hương Điểm trên đường tỉnh 887	5.200	5.200		5.200	5.200						
3	Cầu Lương Ngang trên đường tỉnh 887	9.522	9.522		9.522	9.522						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
4	Cầu Ba Lạt trên đường tỉnh 887	12.887	12.887		12.887	12.887						
5	Cầu Đỏ trên đường tỉnh 887	20.539	20.539		20.539	20.539						
6	Cầu Nguyễn Tấn Ngãi trên đường tỉnh 887	12.131	12.131		12.131	12.131						
7	Cầu Ông Kèo, xã Vĩnh Thành - Vĩnh Hòa	4.550	4.550		4.550	4.550						
8	Đường Chợ Chùa – Hữu Định (đoạn 1: từ Ao Sen chợ Chùa đến Đại lộ Đồng Khởi)	2.689	2.689		2.689	2.689						
9	Đường vào Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Ba Tri	15.000	15.000		15.000	5.000	10.000					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
10	Đường vào trung tâm xã Tường Đa	10.800	10.800		10.800	10.800						
11	Đầu tư hạ tầng phục vụ mô hình thí điểm hợp tác xã Bưởi da xanh thị trấn Châu Thành (hạng mục đường D3,D4)	5.400	5.400		5.400	5.400						
12	Cầu Khánh Hội, (liên xã Tiên Long - Tiên Thủy)	14.000	14.000		14.000	14.000						
13	Đường vành đai ven sông Ba Lai (đường Rạch Gừa)	19.000	19.000		19.000	10.000	9.000					
14	Đường cả Muồng và Cầu 19/5 xã Lộc Thuận	7.200	7.200		7.200	7.200						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
15	Nâng cấp, cải tạo Đường liên xã Phước Mỹ Trung - Thành An	5.000	5.000		5.000	5.000						
16	Cầu Hòa Lợi (trên đường huyện 26), xã Hòa Lợi	5.700	5.700		5.700	5.700						
17	Đầu tư xây dựng các cầu yếu trên ĐH.22 Mỏ Cày Nam	16.200	16.200		16.200	13.000	3.200					
18	Đường ĐH.11 (từ ĐT.887 đến ĐT.885)	10.000	10.000		10.000		10.000					
19	Cầu Cái Sơn xã Tân Thiềng huyện Chợ Lách	7.500	7.500		7.500	3.000	4.500					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
20	Nâng cấp sửa chữa ĐH36 và xây mới 02 cầu (Hậu Cứ và Đìa Cừ) huyện Chợ Lách	14.900	14.900		14.900	3.500	11.400					
21	ĐH.38 huyện Chợ Lách	14.900	14.900		14.900	3.500	11.400					
22	Nâng cấp, sửa chữa ĐH41 huyện Chợ Lách	27.000	27.000		27.000	4.858	22.142					
23	Đường huyện lộ 33	8.500	8.500		8.500	3.000	5.500					
24	Đường vào trung tâm xã Tân Thiềng	11.300	11.300		11.300	3.000	8.300					
25	Xây dựng cầu Phú Long trên ĐT.883	16.200	16.200		16.200	12.000	4.200					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
26	Xây dựng cầu Thừa Mỹ trên ĐT.886	31.500	31.500		31.500	20.000	11.500					
27	Xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biển Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú	92.000	63.000	26.000	37.000	10.000	27.000	29.000	20.000	19.000		
28	Đường vào trung tâm xã Hưng Nhượng (đoạn từ ĐT.887 đến cầu Hiệp Hưng)	11.740	11.740		11.740	11.740						
29	Đường vào Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ơn (đoạn từ QL60 đến bến đò An Hóa)	15.000	15.000	15.000								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
30	Đường giao thông kết hợp đê chống lũ, xăm nhập mặn các xã Tân Thành Bình - Thạnh Ngãi-Phú Mỹ	10.000	10.000	10.000								
31	Đường vào Khu dân cư Bình Thắng	5.000	5.000		5.000		5.000					
32	Cầu Thạnh Trị trên ĐH.40 huyện Bình Đại	5.500	5.500		5.500		5.500					
33	Gia cố sạt lở đê Tân Bắc xã Phú Túc và đê Cồn Dơi xã Phú Đức huyện Châu Thành	12.000	12.000	12.000								

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
34	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thị Định, ĐH10 (đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến Bình thành)	10.000	10.000	10.000								
35	Xây dựng hệ thống thoát nước vỉa hè cây xanh chiếu sáng trên tuyến QL60 (đoạn đường dẫn vào cầu Rạch Miễu)	41.300	41.300	27.000	14.300		14.300	-				
XVI	**LĨNH VỰC Y TẾ - XÃ HỘI**	**646.498**	**637.200**	**-**	**637.200**	**551.300**	**85.900**	**9.298**	**9.298**			
XVI.I	***LĨNH VỰC Y TẾ***	***565.727***	***561.429***	**-**	**561.429**	**480.429**	***81.000***	***4.298***	**4.298**			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***278.471***	***274.173***		***274.173***	***211.173***	***63.000***	***4.298***	***4.298***			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải rắn y tế các bệnh viện đa khoa huyện Thạnh Phú, Chợ Lách, Châu Thành, Bình Đại và Giồng Trôm											
2	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	12.326	12.326		12.326	12.326						
3	Dự án Khoa Nội A - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	1.696	1.696		1.696	1.696						
4	Bệnh viện Đa khoa Hàm Long	21.331	21.331		21.331	21.331						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
5	***Tăng cường CSVC ngành Y tế***	***243.118***	***238.820***		***238.820***	***175.820***	***63.000***	***4.298***	***4.298***			
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***287.256***	***287.256***		***287.256***	***269.256***	***18.000***					
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre (ODA Hàn Quốc)	135.400	135.400		135.400	135.400						
2	Lò đốt rác y tế Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	14.839	14.839		14.839	14.839						
3	Cải tạo, chuyển đổi chức năng Khoa Chuẩn đoán hình ảnh thành Khoa Nhi - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	17.714	17.714		17.714	17.714						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
4	Dự án Tăng cường trang thiết bị y tế phục vụ chuẩn đoán hình ảnh và điều trị Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	31.107	31.107		31.107	31.107						
5	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre	58.000	58.000		58.000	55.000	3.000					
7	Dự án xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	196	196		196	196						Dự án tạm dừng triển khai, thanh toán chuẩn bị đầu tư
6	Khoa sản Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu											Dự án tạm dừng triển khai, thanh toán chuẩn bị đầu tư

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
8	Trung tâm y tế huyện Mỏ Cày Bắc	30.000	30.000		30.000	15.000	15.000					
XVI.II	***LĨNH VỰC XÃ HỘI***	***80.771***	***75.771***		**75.771**	**70.871**	***4.900***	***5.000***	**5.000**			
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***8.960***	***8.960***		***8.960***	***8.960***						
1	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Mỏ Cày Nam											
2	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Châu Thành											
3	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Mỏ Cày Bắc											

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
4	Mua sắm thiết bị Đền thờ Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh (tượng bán thân Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại đồng chung, giá treo)	960	960		960	960						
5	Dự án đầu tư Không gian ghi công Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Bến Tre	8.000	8.000		8.000	8.000						
b)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***71.811***	***66.811***		***66.811***	***61.911***	***4.900***	***5.000***	***5.000***			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bến Tre	46.000	46.000		46.000	42.000	4.000					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
2	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp các cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện tỉnh Bến Tre	16.900	11.900		11.900	11.000	900	5.000	5.000			
3	Dự án khẩn cấp xây dựng một số hạng mục tại cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện tỉnh Bến Tre	8.911	8.911		8.911	8.911						
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Sơn Đông											Dự án tạm dừng thực hiện, chuyển sang đầu tư theo hình thức kêu gọi đầu tư
XVII	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	**220.984**	**220.984**	**-**	**220.984**	**174.798**	**46.186**	**-**				

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
a)	***Dự án hoàn thành năm 2016***	***30.175***	***30.175***		***30.175***	***30.175***						
1	Trung tâm văn hoá tỉnh Bến Tre	27.100	27.100		27.100	27.100						
2	Trung tâm văn hoá thành phố Bến Tre	3.075	3.075		3.075	3.075						
b)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***75.751***	***75.751***		***75.751***	***75.751***						
1	Sân vận động tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	11.870	11.870		11.870	11.870						
2	Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch các xã ven sông Tiền, huyện Châu Thành (giai đoạn 1)											

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
3	Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch Cồn Bửng, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú (đường từ nghĩa trang liệt sĩ Hồ Cỏ đến Cồn Bửng)	9.000	9.000		9.000	9.000						
4	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên	2.231	2.231		2.231	2.231						
5	Đài truyền thanh huyện Mỏ Cày Bắc	2.514	2.514		2.514	2.514						
6	Dự án đầu tư xây dựng Tôn tạo, trùng tu và mở rộng khu tượng đài chiến thắng Lộ Thơ	4.000	4.000		4.000	4.000						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
7	Dự án đầu tư xây dựng Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm	6.550	6.550		6.550	6.550						
8	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển tại Bến Tre	8.030	8.030		8.030	8.030						
9	Hậu cứ Đoàn cải lương	8.817	8.817		8.817	8.817						
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà cổ Huỳnh phủ và Khu mộ	18.000	18.000		18.000	18.000						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
11	Trùng tu tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Bình Hòa	4.739	4.739		4.739	4.739						
c)	***Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020***	***115.058***	***115.058***		***115.058***	***68.872***	***46.186***					
1	CSHT phục vụ du lịch các xã ven sông Tiền (giai đoạn 2) (Đoạn 1: từ xã An Khánh đến xã Phú Đức)	40.000	40.000		40.000	32.714	7.286					
2	Tượng đài chiến thắng Giá Thẻ	7.600	7.600		7.600	7.600						
3	Xây dựng mới trụ sở UBND xã và sửa chữa nhà văn hoá xã Thành Triệu, huyện Châu Thành	300	300		300	300						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
4	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách	2.400	2.400		2.400	2.400						
5	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Long Thới, huyện Chợ Lách	2.400	2.400		2.400	2.400						
6	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Hội trường Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cày Bắc	2.000	2.000		2.000	2.000						
7	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam	2.400	2.400		2.400	2.400						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
8	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Hội trường Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm	1.898	1.898		1.898	1.898						
9	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú	2.460	2.460		2.460	2.460						
10	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Mỹ Hoà, huyện Ba Tri	2.400	2.400		2.400	2.400						
11	Nhà văn hoá xã và 5 phòng chức năng xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	1.500	1.500		1.500	1.500						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
12	Hồ bơi tỉnh Bến Tre	2.800	2.800		2.800	2.800						
13	Cải tạo nâng cấp trung tâm văn hóa thể thao huyện Chợ Lách	6.900	6.900		6.900	3.000	3.900					
14	Cải tạo, nâng cấp đền thờ đồng chí Huỳnh Tấn Phát thành Khu lưu niệm	5.000	5.000		5.000	5.000						
15	Nâng cấp hoàn chỉnh khu Đền thờ Phan Văn Trị	1.000	1.000		1.000		1.000					
16	Nâng cấp, chuyển chất liệu Tượng đài Đồng Khởi Bến Tre	10.000	10.000		10.000		10.000					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
17	Trùng tu, nâng cấp di tích Cây Da Đôi	7.700	7.700		7.700		7.700					
18	Xây dựng Khu lưu niệm Nguyễn Sinh Sắc tại Khu di tích Chùa Tuyên Linh	10.000	10.000		10.000		10.000					
19	Tượng đài đánh tàu trên sông Giồng Trôm (giai đoạn 2)	6.300	6.300		6.300		6.300					
XVIII	**LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG**	**35.500**	**32.000**	**-**	**32.000**	**15.500**	**16.500**	**3.500**	**3.500**			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
b)	***Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020***	***35.500***	***32.000***		***32.000***	***15.500***	***16.500***	***3.500***	***3.500***			
1	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	27.000	27.000		27.000	15.500	11.500					
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre	3.500						3.500	3.500			
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phát triển chính quyền điện tử tỉnh Bến Tre (giai đoạn 1)	5.000	5.000		5.000		5.000					

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
XIV	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**1.936.916**	**1.912.416**	**-**	**1.912.416**	**1.320.244**	**592.172**	**24.500**	**24.500**			
a)	***Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2011-2015***											
1	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố Bến Tre											
2	Trường Tiểu học Ngãi Đăng											
b)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020***	***1.570.700***	***1.546.200***		***1.546.200***	***988.210***	***557.990***	***24.500***	***24.500***			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	Ghi chú
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
1	***Đề án KCH trường lớp, học và nhà công vụ Giáo viên***	***179.384***	***178.384***		***178.384***	***178.384***		***1.000***	***1.000***			
2	***Tăng cường CSVC ngành Giáo dục Đào tạo lồng ghép hỗ trợ chương trình nông thôn mới***	***1.328.371***	***1.304.871***		***1.304.871***	***746.881***	***557.990***	***23.500***	***23.500***			
3	Trường Tiểu học Phú Thọ - Thành phố Bến Tre	14.000	14.000		14.000	14.000						
4	Trường Mầm non Khu Công nghiệp Giao Long, huyện Châu Thành	2.862	2.862		2.862	2.862						
5	Trường THPT Phan văn Trị (giai đoạn 2)	2.110	2.110		2.110	2.110						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
6	Trường THCS Tiên Thuỷ	10.449	10.449		10.449	10.449						
7	Trường THCS Mỹ Nhơn	1.874	1.874		1.874	1.874						
8	Trường THCS Mỹ An	2.553	2.553		2.553	2.553						
9	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	10.183	10.183		10.183	10.183						
10	Trường THCS An Ngãi Trung	8.000	8.000		8.000	8.000						
11	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thạnh Phú											
12	Trường Chính trị Bến Tre (giai đoạn 3)	10.914	10.914		10.914	10.914						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
c)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***	***366.216***	***366.216***		***366.216***	***332.034***	***34.182***					
1	Trường Tiểu học Phú Ngãi	3.242	3.242		3.242	3.242						
2	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến Tre	6.160	6.160		6.160	6.160						
3	Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)	32.000	32.000		32.000	32.000						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
4	Trường THPT Long Thới - Chợ Lách	53.100	53.100		53.100	52.040	1.060					
5	Nhà đa năng Trường THPT Lê Hoài Đôn - Thạnh Phú	5.125	5.125		5.125	5.125						
6	Trường TH An Phước huyện Châu Thành	12.989	12.989		12.989	12.989						
7	Trường THCS Thành phố Bến Tre	91.000	91.000		91.000	85.500	5.500					
8	Trường Mẫu giáo Đa Phước Hội	13.000	13.000		13.000	13.000						
9	Trường TH Phú Túc	21.000	21.000		21.000	21.000						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
10	Trường Mẫu giáo Hòa Lộc	14.000	14.000		14.000	14.000						
11	Trường THPT Nhuận Phú Tân	10.000	10.000		10.000		10.000					
12	Trường THCS Mỹ Thanh An											Tạm dừng thực hiện dự án
13	Trường TH An Thuận	15.000	15.000		15.000	11.000	4.000					
14	Trường TH Hương Mỹ 2	23.000	23.000		23.000	21.178	1.822					
15	Trường THCS Đỗ Hữu Phương	19.800	19.800		19.800	18.000	1.800					
16	Trường Mẫu giáo Minh Đức	18.800	18.800		18.800	18.800						

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
17	Trường MN Vĩnh Thành	18.000	18.000		18.000	18.000						
18	Trường THCS Thạnh Hải	5.000	5.000		5.000		5.000					
19	Trường TH Tân Phong	5.000	5.000		5.000		5.000					
XIX	**AN NINH - QUỐC PHÒNG**	**4.000**						**4.000**	**4.000**			
1	Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long	4.000						4.000	4.000			
XX	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐOÀN THỂ**	**7.000**	**-**				**-**	**7.000**	**7.000**	**-**		
1	Sửa chữa trung tâm hành chính huyện Chợ Lách	2.000						2.000	2.000			

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (đã bao gồm phân bổ chi tiết dự phòng 10% đầu tư công trung hạn của địa phương)										Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Tổng số vốn kế hoạch từ nguồn thu XSKTsau khi được điều chỉnh bổ sung 10% dự phòng	*Dự phòng 10% vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT*	Tổng số vốn từ nguồn thu XSKT được giao trong giai đoạn	*Trong đó:*		Tổng số các năm trước chuyển sang và tăng thu hàng năm	*Trong đó:*		Điều chỉnh kế hoạch vay tạm ứng vốn tồn ngân KBNN giai đoạn 2017-2020 (*)	
						Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Kế hoạch năm 2020		Lũy kế bố trí vốn trung hạn nguồn tăng thu XSKT đến hết kế hoạch năm 2019	Dự kiến Vốn XSKT các năm trước chuyển sang năm 2020		
1	*2*	*16=17+22+25*	*17=18+19*	*18*	*19=20+21*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
2	Chỉnh trang khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	5.000						5.000	5.000			
XXI	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**	**232.106**	**38.000**		**38.000**	**33.000**	**5.000**	**194.106**	**184.106**	**10.000**		